ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
(kèm theo thông báo số: /ĐT ngày tháng 06 năm 2023 của Trường Đại học Công nghệ)

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
1. Chương trình đào tạo chất lượng cao									
1.	QH-2017-I/CQ-C-CLC	17020003	Nguyễn Đình Đại	10/12/1999	126	3.66	133	TA	
2.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021207	Nguyễn Tuấn Anh	27/12/1999	123	2.48	139		
3.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021219	Hạ Anh Dũng	21/01/1999	126	2.53	139		
4.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021221	Nguyễn Thành Duy	03/08/1998	133	3.40	139		
5.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021222	Nguyễn Tuấn Duy	31/07/1999	75	2.06	139	GDTC KNM	
6.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021225	Trình Đức Duy	29/07/1999	108	3.00	139		
7.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021231	Đỗ Thành Đạt	03/12/1999	142	3.06	139	TA	
8.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021238	Hà Minh Hải	30/06/1999	126	2.77	139	TA	
9.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021240	Phạm Lê Minh Hải	28/09/1999	139	2.71	139	TA	
10.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021241	Nguyễn Phương Hằng	07/09/1999	139	2.93	139	TA	
11.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021244	Hoàng Văn Hiếu	04/09/1999	145	2.39	139	Điểm TBC < 2.50	
12.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021248	Trần Đức Hiếu	15/01/1999	114	2.37	139	KNM	
13.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021255	Nguyễn Minh Hoàng	03/10/1999	129	2.83	139		
14.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021262	Nguyễn Quang Huy	18/12/1999	99	2.42	139	KNM	
15.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021269	Nguyễn Kiều Hưng	08/01/1999	136	2.21	139	TA	
16.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021283	Đặng Nhật Linh	06/07/1999	129	2.85	139		
17.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021285	Nguyễn Tuấn Linh	13/05/1999	139	2.64	139	TA	
18.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021298	Nguyễn Đình Nhật Minh	23/09/1999	117	2.52	139	GDTC TA	
19.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021302	Trần Tuấn Minh	22/03/1999	92	2.38	139		
20.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021307	Phạm Đình Nam	15/04/1999	42	1.96	139	GDTC KNM TA	
21.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021309	Trần Hải Nam	12/07/1999	139	2.30	139	KNM	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
22.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021328	Dương Hoàng Sơn	26/02/1999	139	2.74	139	TA	
23.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021334	Nguyễn Duy Thái	03/05/1999	120	2.74	139	TA	
24.	QH-2017-I/CQ-CA-CLC	17021360	Đinh Bảo Vương	18/10/1999	128	2.34	139		
25.	QH-2017-I/CQ-ĐA-CLC	17020498	Nguyễn Xuân Đức	03/11/1998	99	2.05	135	TA	
26.	QH-2017-I/CQ-ĐA-CLC	17020499	Phạm Minh Đức	30/11/1999	116	2.37	135	GDTC	
27.	QH-2017-I/CQ-ĐA-CLC	17020503	Phùng Đông Hải	14/07/1999	131	2.33	135		
28.	QH-2017-I/CQ-ĐA-CLC	17020506	Lê Chí Hiếu	26/08/1999	135	2.44	135	Điểm TBC < 2.50 Đang học cải thiện	
29.	QH-2017-I/CQ-ĐA-CLC	17020527	Nguyễn Xuân Mạnh	13/11/1999	130	2.38	135	GDTC	
30.	QH-2017-I/CQ-ĐA-CLC	17020528	Bùi Đức Minh	19/12/1999	122	2.20	135		
31.	QH-2017-I/CQ-ĐA-CLC	17020545	Trần Lưu Tôn	03/06/1997	70	2.31	135	GDTC	
32.	QH-2018-I/CQ-C-CLC	18020003	Hoàng Minh Đức Anh	10/10/2000	120	2.78	133	KNM	
33.	QH-2018-I/CQ-C-CLC	18020015	Phan Hữu Duy	16/10/2000	123	3.26	133		
34.	QH-2018-I/CQ-C-CLC	18020030	Nguyễn Nhật Long	09/08/2000	123	3.60	133		
35.	QH-2018-I/CQ-C-CLC	18021145	Nguyễn Đức Thắng	19/06/2000	123	3.32	133		
36.	QH-2018-I/CQ-ĐA-CLC	18020125	Hoàng Nghĩa Anh	22/07/2000	135	2.49	135	Điểm TBC < 2.50	
37.	QH-2018-I/CQ-ĐA-CLC	18020219	Đặng Đức Cảnh	18/07/2000	131	2.42	135	TA	
38.	QH-2018-I/CQ-ĐA-CLC	18020327	Nguyễn Duy Đức	15/01/2000	126	2.37	135		
39.	QH-2018-I/CQ-ĐA-CLC	18020559	Đặng Huy Hoàng	26/01/2000	93	2.10	135	GDTC	
40.	QH-2018-I/CQ-ĐA-CLC	18020639	Vũ Quang Huy	28/03/2000	92	1.90	135		
41.	QH-2018-I/CQ-ĐA-CLC	18020618	Phạm Việt Hưng	22/04/2000	128	2.31	135	TA	
42.	QH-2018-I/CQ-ĐA-CLC	18020690	Đào Ngọc Khánh	03/09/2000	128	2.41	135	TA	
43.	QH-2018-I/CQ-ĐA-CLC	18020849	Đoàn Đức Long	30/09/2000	121	2.18	135		
44.	QH-2018-I/CQ-ĐA-CLC	18020844	Phạm Đào Hoàng Long	02/04/2000	119	2.16	135		
45.	QH-2018-I/CQ-ĐA-CLC	18020894	Nguyễn Ngọc Minh	18/02/2000	116	2.47	135		
46.	QH-2018-I/CQ-ĐA-CLC	18021157	Bùi Quang Việt Thắng	07/10/2000	119	2.32	135	TA	
47.	QH-2018-I/CQ-ĐA-CLC	18021291	Nguyễn Đình Tới	17/09/2000	125	3.06	135		
48.	QH-2018-I/CQ-ĐA-CLC	18021321	Nguyễn Thành Trung	13/12/2000	126	2.25	135		
49.	QH-2018-I/CQ-ĐA-CLC	18021349	Võ Hoàng Anh Tú	09/09/2000	110	2.10	135		

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
50.	QH-2018-I/CQ-ĐA-CLC	18021398	Dương Thanh Tùng	29/05/2000	135	2.48	135	Điểm TBC < 2.50	
51.	QH-2018-I/CQ-ĐA-CLC	18021409	Doãn Công Tuyến	15/01/2000	125	2.94	135	TA	
52.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020104	Đoàn Đình An	16/11/2000	118	2.37	139	GDTC TA	
53.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020130	Đinh Tiến Anh	04/09/2000	126	2.68	139		
54.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020159	Nguyễn Minh Anh	31/12/2000	133	2.75	139		
55.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020149	Trần Tuấn Anh	21/06/2000	139	3.51	139	TA	
56.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020231	Trần Công Chiến	11/10/2000	104	2.25	139	TA	
57.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020347	Lê Anh Đức	08/02/2000	139	3.37	139	TA	
58.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020335	Nguyễn Phú Đức	01/08/2000	134	3.19	139		
59.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020495	Trần Minh Hiếu	15/01/2000	102	2.26	139		
60.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020523	Bạch Quang Hiệu	15/09/2000	130	2.61	139		
61.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020527	Nguyễn Duy Hòa	25/10/2000	93	2.48	139	TA	
62.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020565	Đào Huy Hoàng	21/08/2000	46	1.61	139	GDTC KNM TA	
63.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020568	Phạm Việt Hoàng	11/09/2000	126	2.51	139	TA	
64.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020555	Trần Long Hoàng	26/10/2000	129	2.63	139		
65.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020638	Nguyễn Tiến Hoàng Huy	21/03/2000	84	1.95	139	GDTC TA	
66.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020635	Vũ Quang Huy	10/09/2000	129	2.50	139	TA	
67.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020024	Vũ Trần Quang Huy	26/10/2000	57	2.13	139	GDTC KNM	
68.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020696	Đặng Quốc Khánh	31/08/2000	130	3.05	139		
69.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020691	Trần Quốc Khánh	02/09/2000	129	3.65	139		
70.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020738	Hoàng Tuấn Kiệt	23/03/2000	129	2.89	139		
71.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020857	Hồ Đức Long	20/04/2000	122	3.03	139	GDTC TA	
72.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020035	Mai Hoàng Long	15/03/2000	120	2.64	139	GDTC TA	
73.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020831	Nguyễn Thăng Long	09/02/2000	123	2.90	139	TA	
74.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020950	Lê Huy Ngọ	14/02/2000	99	2.41	139		

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
75.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020958	Vũ Minh Ngọc	16/10/2000	129	2.55	139	TA	
76.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020991	Nguyễn Đình Phan	28/03/2000	129	3.58	139		
77.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020992	Nguyễn Thế Phan	14/01/2000	132	2.90	139		
78.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18021002	Nguyễn Trung Phong	22/12/2000	132	3.20	139		
79.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18021009	Nguyễn Quang Phúc	30/07/2000	136	2.97	139	GDTC TA	
80.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18021014	Hồ Công Phùng	17/09/2000	136	2.32	139	KNM	
81.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18020050	Nguyễn Minh Tân	08/02/2000	142	3.76	139	TA	
82.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18021173	Nguyễn Xuân Thành	24/01/2000	129	2.49	139		
83.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18021202	Chu Quang Thế	17/11/2000	117	2.29	139	KNM TA	
84.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18021222	Nguyễn Xương Thìn	02/10/2000	129	3.33	139	TA	
85.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18021254	Ngô Công Thức	11/05/2000	120	2.51	139		
86.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18021338	Nguyễn Xuân Trường	14/12/2000	148	3.06	139	TA	
87.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18021352	Trịnh Tuấn Tú	19/04/2000	133	2.59	139	TA	
88.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18021361	Nguyễn Anh Tuấn	30/03/2000	130	2.44	139		
89.	QH-2018-I/CQ-CA-CLC	18021371	Nguyễn Mạnh Tuấn	16/12/2000	129	2.86	139		
90.	QH-2019-I/CQ-C-CLC	19020002	Nguyễn Văn Chiến	14/07/2001	123	3.57	136	TA	
91.	QH-2019-I/CQ-C-CLC	19020230	Nguyễn Quang Chiều	18/09/2001	139	3.80	136	TA	
92.	QH-2019-I/CQ-C-CLC	19020232	Nguyễn Văn Chính	26/09/2001	126	3.28	136	TA	
93.	QH-2019-I/CQ-C-CLC	19020040	Nguyễn Tiến Dũng	04/08/2001	126	3.17	136	GDTC TA	
94.	QH-2019-I/CQ-C-CLC	19020039	Lương Duy Đạt	11/10/2001	126	3.69	136	TA	
95.	QH-2019-I/CQ-C-CLC	19020247	Phạm Thanh Đạt	19/10/2001	117	2.97	136	GDTC TA	
96.	QH-2019-I/CQ-C-CLC	19020006	Nguyễn Kim Đức	06/05/2001	126	3.50	136	TA	
97.	QH-2019-I/CQ-C-CLC	19020042	Cao Thanh Hải	18/09/2001	133	3.15	136	TA	
98.	QH-2019-I/CQ-C-CLC	19020289	Đào Quang Hiếu	25/11/2001	126	3.74	136		
99.	QH-2019-I/CQ-C-CLC	19020010	Nguyễn Văn Hoàn	30/09/2001	123	3.61	136	TA	
100	QH-2019-I/CQ-C-CLC	19020344	Phạm Hoàng Lâm	06/01/2000	144	3.33	136	TC KKT theo nhóm ngành	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
101	QH-2019-I/CQ-C-CLC	19020015	Lương Hải Long	07/04/2001	126	3.43	136	TA	
102	QH-2019-I/CQ-C-CLC	19020050	Nguyễn Văn Minh	25/08/2001	136	3.31	136	TA	
103	QH-2019-I/CQ-C-CLC	19020052	Hoàng Việt Phương	26/08/2001	136	3.81	136	TA	
104	QH-2019-I/CQ-C-CLC	19020021	Nguyễn Phú Quốc	22/04/2001	126	3.32	136	TA	
105	QH-2019-I/CQ-C-CLC	19020434	Hồ Mạnh Tân	05/06/2001	122	3.44	136	TA	
106	QH-2019-I/CQ-C-CLC	19020452	Trịnh Văn Thuận	21/07/2001	136	3.60	136	TA	
107	QH-2019-I/CQ-C-CLC	19020024	Phạm Văn Trọng	04/06/2001	136	3.73	136	TA	
108	QH-2019-I/CQ-C-CLC	19020477	Đào Trọng Tuấn	19/03/2001	134	3.76	136		
109	QH-2019-I/CQ-C-CLC	19020056	Lê Huy Vũ	18/05/2001	136	3.31	136	TA	
110	QH-2019-I/CQ-C-CLC	19020489	Nguyễn Hữu Vượt	13/10/2001	136	3.49	136	TA	
111	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021399	Hoàng An	06/11/2001	128	2.18	141	GDTC TA HP	
112	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021405	Chử Việt Anh	26/10/2001	134	2.98	141		
113	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021411	Đinh Tiến Anh	23/03/2001	140	2.99	141		
114	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021401	Lê Đức Anh	05/01/2001	140	2.75	141		
115	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021412	Nguyễn Lâm Anh	25/08/2001	102	2.25	141	GDTC TA	
116	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021404	Nguyễn Thế Anh	06/09/2001	141	3.28	141	TC KKT theo nhóm ngành	
117	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021407	Phạm Đức Anh	10/06/2001	139	2.97	141	TA	
118	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021408	Phạm Đức Anh	24/05/2001	140	3.02	141		
119	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021406	Trần Tuấn Anh	31/03/2001	130	3.04	141	TA	
120	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021414	Phạm Minh Bảo	30/11/2001	143	3.01	141	TA	
121	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021415	Trương Văn Bảo	19/02/2001	138	2.86	141		
122	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021413	Lê Xuân Bắc	29/04/2001	146	2.60	141	TC KKT theo khối ngành HS	
123	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021418	Hồ Trần Bình	28/09/2001	127	2.44	141	GDTC TA	
124	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021416	Ngô Hải Bình	15/10/2001	104	2.27	141	GDTC TA	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
125	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021420	Nguyễn Thành Công	19/12/2001	135	3.35	141	GDTC	
126	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021442	Trần Nhật Duy	05/10/2000	121	2.28	141	TA	
127	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021428	Nguyễn Hữu Đạt	24/12/2001	146	2.61	141	TA	
128	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021426	Nguyễn Minh Đăng	15/09/2001	140	3.13	141		
129	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021430	Nguyễn Đăng Đoàn	07/02/2001	129	2.89	141	TA	
130	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021432	Lương Nguyễn Minh Đức	07/10/2001	78	1.77	141	GDTC TA	
131	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021438	Nguyễn Anh Đức	14/11/2001	131	2.43	141	TA	
132	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021437	Trần Minh Đức	09/02/2001	136	3.15	141		
133	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021444	Lương Thị Thuỳ Giang	05/06/2001	142	2.90	141	TC KKT theo nhóm ngành	
134	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021446	Hoàng Tuấn Hà	30/04/2001	139	2.72	141		
135	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021445	Nguyễn Mạnh Hà	15/02/2001	138	2.66	141		
136	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021447	Lê Hoàng Hải	15/02/2001	128	2.43	141	TA	
137	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021448	Nguyễn Công Hải	03/07/2001	99	2.20	141	TA	
138	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021450	Đỗ Thị Hằng	12/11/2001	139	2.93	141		
139	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021451	Ma Thanh Hiền	05/01/2001	138	2.85	141		
140	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021452	Phạm Minh Hiếu	14/09/2001	32	2.50	141	GDTC TA HP	
141	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021460	Nguyễn Việt Hoàng	13/10/2001	38	2.12	141	GDTC TA	
142	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021456	Trần Quốc Hoàng	26/11/2001	127	2.86	141		
143	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021462	Kiều Quang Hùng	31/05/2001	133	2.68	141	HS	
144	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021461	Nguyễn Mạnh Hùng	13/06/2001	138	2.67	141		
145	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021469	Diệp Lê Huy	20/08/2001	120	2.10	141	TA	
146	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021466	Nguyễn Danh Huy	05/07/2001	146	2.63	141	TC KKT nhóm ngành	
147	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021468	Nguyễn Đăng Huy	02/12/2001	129	2.89	141		
148	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021464	Nguyễn Quang Huy	31/08/2001	142	2.95	141	TC KKT nhóm ngành	
149	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021467	Phan Đức Huy	09/02/2001	109	2.32	141	TA	
150	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021465	Trương Gia Huy	10/12/2001	109	2.61	141	GDTC	
151	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021470	Mai Văn Khải	06/10/2001	144	2.78	141	TA	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
152	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021471	Nguyễn Nam Khánh	28/06/2001	134	2.45	141	TA	
153	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021472	Nguyễn Nhật Khánh	13/11/2001	104	2.59	141		
154	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021473	Đỗ Minh Khôi	17/02/2001	136	2.80	141		
155	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021475	Nguyễn Đức Kiên	23/03/2001	134	3.19	141		
156	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021476	Vũ Trung Kiên	07/11/2001	131	2.81	141		
157	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021480	Lê Khánh Linh	18/10/2001	126	2.77	141		
158	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021479	Lê Công Lịch	07/09/2001	134	2.80	141	GDTC TA	
159	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021483	Phạm Hoàng Long	22/07/2001	136	2.70	141		
160	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021481	Nguyễn Văn Lợi	05/10/2001	130	2.60	141		
161	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021485	Bùi Đức Mạnh	12/08/2001	139	2.99	141		
162	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021484	Nguyễn Trọng Mạnh	17/08/2001	143	2.73	141	GDTC	
163	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021486	Đỗ Hồng Minh	25/02/2001	124	2.63	141	TA	
164	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021487	Lê Hiếu Minh	28/02/2001	137	2.86	141	HS	
165	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021491	Đinh Doãn Nam	28/06/2001	143	2.77	141	TC KKT ngành tự chọn	
166	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021493	Nguyễn Văn Nam	09/11/2001	140	3.02	141		
167	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021496	Hỏa Văn Nguyên	08/11/2001	133	3.25	141		
168	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021495	Nguyễn Trung Nguyên	13/02/2001	124	2.50	141	TA	
169	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021494	Trần Xuân Nguyên	22/04/2001	128	2.71	141	GDTC TA	
170	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021506	Nguyễn Minh Quang	24/03/2001	97	2.31	141	GDTC	
171	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021501	Bùi Vũ Minh Quân	05/03/2001	140	2.79	141		
172	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021502	Hoàng Minh Quân	07/08/2001	141	2.79	141	TC KKT chung	
173	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021504	Lê Anh Quân	01/08/2001	143	3.51	141	TA	
174	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021508	Nguyễn Duy Quỳnh	26/05/2001	140	2.85	141		
175	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021509	Trần Hoàng Sơn	01/12/2001	139	2.87	141		
176	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021510	Đào Nhật Tân	10/08/2001	106	2.39	141	GDTC TA HS	
177	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021513	Vũ Văn Thái	22/10/2001	139	2.85	141	HS	
178	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021515	Phạm Xuân Thành	22/05/2001	110	2.17	141	TA HS	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
179	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021516	Trần Bảo Thịnh	20/01/2001	140	3.04	141		
180	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021518	Vũ Sơn Thủy	14/05/2001	139	2.63	141	TA	
181	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021521	Chu Thanh Toàn	11/02/2001	129	2.70	141	TA	
182	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021520	Tạ Văn Toàn	13/02/2001	122	2.73	141	TA	
183	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021522	Lê Ngọc Toản	08/05/2000	140	2.82	141	TA	
184	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021519	Nguyễn Huy Tô	19/05/2001	117	2.47	141		
185	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021526	Nguyễn Xuân Trường	06/02/2001	136	2.89	141		
186	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021528	Trần Xuân Trường	05/02/2001	125	2.79	141	GDTC TA	
187	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021530	Nguyễn Hữu Tú	16/10/2001	122	2.59	141	TA	
188	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021531	Phạm Anh Tuấn	13/02/2001	139	2.78	141	GDTC	
189	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021532	Trịnh Quốc Tuấn	02/02/2001	136	2.54	141		
190	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021534	Nguyễn Thanh Tùng	23/03/2001	142	2.75	141	GDTC TA	
191	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021536	Lưu Khoa Văn	27/01/2001	50	2.14	141	GDTC TA	
192	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021537	Lê Quốc Việt	13/05/2001	140	3.09	141		
193	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021538	Ngô Quốc Việt	01/08/2001	72	2.50	141	GDTC TA	
194	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021539	Dương Hoàng Vinh	24/12/2001	135	2.87	141	TA	
195	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021540	Đỗ Thái Vũ	12/03/2001	140	3.23	141		
196	QH-2019-I/CQ-ĐA-CLC	19021541	Nguyễn Tuấn Vũ	07/10/2001	136	3.05	141	TA	
197	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19020998	Dương Duy Anh	08/06/2001	133	2.88	139		
198	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021000	Trần Văn Cao	28/11/2001	133	2.70	139		
199	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021001	Phạm Công Chung	13/12/2001	117	2.34	139	TA	
200	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021002	Đỗ Đức Công	14/11/2001	126	2.74	139	TA	
201	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021003	Trần Văn Công	24/02/2001	140	3.26	139	TA	
202	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021004	Dương Tuấn Cương	23/10/2001	140	3.14	139	TA	
203	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021006	Nguyễn Đức Cường	11/06/2001	121	2.92	139	GDTC TA	
204	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021005	Nguyễn Huy Cường	09/11/2001	130	2.95	139	GDTC	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
205	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021007	Nguyễn Nam Cường	08/09/2001	131	3.04	139		
206	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021022	Lê Mạnh Dũng	05/01/2001	140	3.17	139	TA	
207	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021023	Nguyễn Quang Dũng	18/03/2001	113	2.87	139	GDTC TA	
208	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021024	Phạm Mạnh Dũng	06/01/2001	132	2.87	139	GDTC	
209	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021030	Bùi Đức Duy	30/06/2001	107	2.76	139	GDTC TA	
210	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021026	Nguyễn Tùng Dương	23/07/2001	133	2.94	139		
211	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021027	Phạm Đình Đăng Dương	13/04/2001	133	3.20	139		
212	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021010	Nguyễn Quang Đại	15/05/2001	133	2.77	139		
213	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021013	Nguyễn Minh Đạt	03/06/2001	125	2.54	139	TA	
214	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021016	Nguyễn Viết Đông	17/09/2001	133	2.75	139		
215	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021019	Lại Huy Đức	07/05/2001	133	2.84	139		
216	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021018	Nguyễn Hữu Đức	24/06/2001	133	2.72	139		
217	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021035	Bùi Thị Dương Hải	04/09/2001	140	3.38	139	TA	
218	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021033	Hoàng Phúc Hải	15/11/2001	123	2.83	139	TA	
219	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021037	Nguyễn Văn Hải	26/07/2001	101	2.42	139	TA	
220	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021038	Lương Văn Hạnh	18/09/2001	78	2.24	139	GDTC TA	
221	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021040	Lê Văn Hậu	14/04/2001	133	3.14	139	TA	
222	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021043	Nguyễn Tuấn Hiệp	26/09/2001	140	3.43	139	TA	
223	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021045	Đỗ Hữu Hiếu	04/02/2001	130	3.00	139		
224	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021044	Hoàng Đức Hiếu	22/11/2001	131	2.85	139	TA	
225	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021046	Phạm Minh Hiếu	07/01/2001	127	2.77	139		
226	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021052	Đinh Huy Hoàng	10/12/2001	130	2.45	139	TA	
227	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021054	Nguyễn Việt Hùng	23/02/2001	133	3.45	139	TA	
228	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021056	Phạm Vũ Hùng	27/11/2001	133	3.23	139		
229	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021060	Chu Thiện Huy	22/02/2001	140	3.43	139	GDTC	
230	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19020157	Đào Tuấn Huy	02/07/2000	122	2.36	139	GDTC TA	
231	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021062	Đặng Đình Huy	27/07/2001	133	2.91	139	TA	
232	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021063	Nghiêm Quang Huy	22/07/2001	93	2.33	139	GDTC	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
								TA	
233	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021057	Hoàng Văn Hưng	08/07/2001	133	2.94	139		
234	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021058	Vũ Hải Hưng	14/07/2001	133	3.17	139		
235	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021066	Đoàn Mạnh Khánh	20/12/2001	133	2.95	139		
236	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021067	Nguyễn Thế Khôi	29/06/2001	129	2.52	139		
237	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021070	Nguyễn Trung Kiên	31/03/2001	105	2.36	139	GDTC TA HP	
238	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021069	Nguyễn Văn Kiên	25/02/2001	140	3.33	139	TA	
239	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021071	Đỗ Đức Thanh Lâm	18/07/2001	128	2.37	139	GDTC TA	
240	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021073	Hoàng Hải Long	24/01/2001	133	2.91	139	GDTC TA	
241	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021074	Trần Công Lương	21/02/2001	133	2.82	139		
242	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021078	Cao Đức Mạnh	24/06/2001	109	2.86	139	GDTC TA	
243	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021077	Vũ Đức Mạnh	15/05/2001	133	2.82	139		
244	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021082	Đàm Văn Minh	04/11/2001	127	2.58	139	TA	
245	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021081	Nguyễn Đức Minh	23/12/2001	133	2.70	139	GDTC TA	
246	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021083	Nguyễn Quang Minh	09/06/2001	140	3.13	139	TA	
247	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021088	Lê Hoài Nam	19/01/2001	133	2.84	139		
248	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021085	Lê Quang Nam	20/01/2001	131	2.87	139		
249	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021086	Nguyễn Văn Nam	15/08/2001	133	2.91	139		
250	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021087	Phạm Thế Nam	03/03/2001	133	2.66	139		
251	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021084	Phạm Tuấn Nam	07/08/2001	133	2.69	139		
252	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021089	Trần Quang Nguyên	08/10/2001	140	3.18	139	TA	
253	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021092	Nguyễn Vũ Phúc	30/01/2001	128	2.93	139	TA	
254	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021093	Lâm Văn Phương	01/10/2000	98	2.15	139	GDTC TA	
255	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021099	Cao Hồng Quang	08/09/2001	133	2.70	139		
256	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021097	Lương Hồng Quang	25/11/2001	137	3.30	139		
257	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021098	Nguyễn Văn Quang	30/05/2001	133	2.74	139	TA	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
258	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021100	Tô Minh Quang	28/08/2001	129	2.62	139		
259	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021095	Trịnh Hồng Quân	20/10/2001	125	2.94	139	TA	
260	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021101	Ngô Tiến Sáng	27/07/2001	137	3.47	139		
261	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021107	Mai Ngọc Sơn	13/10/2001	123	2.41	139		
262	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021102	Nguyễn Đức Thái Sơn	16/11/2001	128	2.60	139	GDTC TA	
263	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021105	Nguyễn Thế Sơn	15/02/2001	130	2.83	139		
264	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021112	Hà Ngọc Thanh	19/09/2001	133	2.93	139		
265	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021114	Bùi Tuấn Thành	22/04/2001	133	3.01	139		
266	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021113	Đinh Tuấn Thành	21/09/2001	133	2.74	139		
267	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021115	Nguyễn Văn Thành	14/04/2001	133	2.72	139		
268	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021110	Đinh Văn Thắng	09/01/2001	140	3.27	139	TA	
269	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021111	Phạm Đức Thắng	19/05/2001	124	2.62	139	TA	
270	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021116	Nguyễn Quốc Thịnh	12/09/2001	108	2.37	139	GDTC TA	
271	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021118	Trần Hữu Thịnh	15/12/2001	95	2.62	139	GDTC TA	
272	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021119	Phạm Minh Tiến	18/04/2001	107	2.29	139	TA HP	
273	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021120	Phạm Minh Tiến	27/01/2001	137	3.39	139	GDTC TA	
274	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021121	Ngô Minh Tình	05/04/2001	133	2.90	139		
275	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021122	Nguyễn Thọ Toàn	25/03/2001	128	2.91	139	TA	
276	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021125	Mai Đình Trinh	04/11/2001	133	3.00	139		
277	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19020161	Hứa Quang Trường	06/12/2000	133	3.01	139	TA	
278	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021127	Trần Bá Đan Trường	22/06/2001	138	3.08	139	GDTC	
279	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021130	Bùi Thanh Tuấn	16/03/2001	133	2.92	139		
280	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021134	Nguyễn Xuân Tùng	10/03/2001	123	2.37	139	TA	
281	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021138	Nguyễn Chu Long Vũ	14/11/2001	130	2.57	139	TA	
282	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021140	Nguyễn Đình Vỹ	21/08/2001	131	2.98	139		
283	QH-2019-I/CQ-M-CLC	19021141	Vũ Quang Xuân	27/02/2001	133	2.91	139		

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
284	QH-2019-I/CQ-T-CLC	19021223	Trần Thanh Bách	01/11/2001	132	2.93	138	TA	
285	QH-2019-I/CQ-T-CLC	19021249	Nguyễn Tùng Dương	23/08/2001	127	2.87	138	TA	
286	QH-2019-I/CQ-T-CLC	19021239	Phạm Đức Đạt	14/12/2000	126	3.10	138	TA	
287	QH-2019-I/CQ-T-CLC	19020099	Nguyễn Việt Hoàng	24/09/2001	15	2.10	138	GDTC TA	
288	QH-2019-I/CQ-T-CLC	19021291	Dương Việt Hùng	10/06/2001	80	2.21	138	TA HP	
289	QH-2019-I/CQ-T-CLC	19021302	Hồ Quang Huy	02/05/2001	122	2.62	138		
290	QH-2019-I/CQ-T-CLC	19020102	Nguyễn Anh Huy	03/01/2001	45	2.34	138	GDTC	
291	QH-2019-I/CQ-T-CLC	19021303	Nguyễn Đức Huy	22/11/2001	133	3.29	138		
292	QH-2019-I/CQ-T-CLC	19021292	Trần Quốc Hưng	27/02/2001	94	2.21	138	TA	
293	QH-2019-I/CQ-T-CLC	19021296	Nguyễn Thị Lan Hương	23/01/2001	129	3.30	138	TA	
294	QH-2019-I/CQ-T-CLC	19021310	Nguyễn Xuân Khang	19/11/2001	136	3.28	138	TA	
295	QH-2019-I/CQ-T-CLC	19021312	Dương Hoàng Khánh	11/08/2001	97	2.54	138	TA	
296	QH-2019-I/CQ-T-CLC	19020112	Đặng Nhật Minh	15/06/2001	131	3.03	138		
297	QH-2019-I/CQ-T-CLC	19021330	Phan Công Minh	30/10/2001	138	3.37	138	GDTC	
298	QH-2019-I/CQ-T-CLC	19021334	Bùi Hoàng Nam	21/09/2001	124	2.55	138		
299	QH-2019-I/CQ-T-CLC	19021342	Phùng Sỹ Ngọc	11/07/2001	61	2.32	138	GDTC TA	
300	QH-2019-I/CQ-T-CLC	19021344	Hoàng Bảo Phúc	11/08/2001	89	2.93	138	GDTC TA	
301	QH-2019-I/CQ-T-CLC	19021356	Trần Văn Quang	09/04/2001	138	2.99	138	GDTC TA	
302	QH-2019-I/CQ-T-CLC	19021369	Ngô Quang Thiện	06/04/2001	136	3.12	138		
303	QH-2019-I/CQ-T-CLC	19021376	Nguyễn Thành Trung	31/08/2001	125	2.56	138	GDTC TA	
304	QH-2019-I/CQ-T-CLC	19021379	Trần Quang Trung	23/08/2001	135	2.89	138	TA	
305	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021211	Dương Tú Anh	22/10/2001	117	2.77	138	TA	
306	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021210	Lý Hoàng Anh	23/08/2001	128	2.78	138	TA	
307	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021216	Nguyễn Trung Anh	17/11/2001	128	3.06	138		
308	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021212	Nguyễn Việt Anh	09/11/2001	122	3.03	138	TA	
309	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021207	Trần Quang Anh	26/09/2001	141	3.20	138	TA	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
310	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021209	Trương Thị Kiều Anh	23/09/2001	138	3.68	138	GDTC	
311	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19020092	Vũ Đình Việt Anh	26/04/2001	112	3.22	138	GDTC	
312	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021220	Dương Quang Bách	19/03/2001	89	2.46	138	GDTC	
313	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021225	Bùi Đăng Nam Bình	25/10/2001	119	2.49	138	TA	
314	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021224	Trương Gia Bình	30/12/2001	136	3.26	138		
315	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021226	Nguyễn Thành Bổng	20/08/2001	138	3.47	138	TA	
316	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021227	Nguyễn Duy Cao	26/11/2001	129	3.07	138	TA HP	
317	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021229	Đặng Trung Cương	19/01/2001	133	3.36	138	TA	
318	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021230	Vũ Mạnh Cường	26/09/2001	129	2.90	138		
319	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021233	Mai Công Danh	29/01/2001	141	3.28	138	TA	
320	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021245	Trần Long Dũng	02/01/2001	138	2.78	138	TA	
321	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021250	Phạm Quý Dương	10/04/2001	109	2.66	138	TA	
322	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021236	Đỗ Văn Đạt	06/11/2001	115	2.88	138	TA	
323	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021235	Ngô Quốc Đạt	02/09/2001	129	2.98	138	TA	
324	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19020033	Ngô Hải Đăng	09/12/2001	131	3.82	138	TA	
325	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021242	Hà Tiến Đức	24/09/2001	118	3.02	138	GDTC TA	
326	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021243	Lò Anh Đức	01/02/2001	138	3.60	138	TA	
327	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021256	Hà Đông Giang	18/10/2001	138	3.14	138	GDTC TA	
328	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021260	Lê Trường Giang	28/06/2001	138	3.33	138	GDTC	
329	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021259	Nguyễn Trường Giang	16/08/2001	99	2.40	138	TA	
330	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021261	Hoàng Đức Hà	19/03/2001	138	3.64	138	GDTC	
331	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021262	Nguyễn Quang Hà	05/04/2001	138	3.43	138	GDTC	
332	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021263	Trần Xuân Hải	04/11/2001	139	3.58	138	TA	
333	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021274	Đặng Minh Hiếu	31/01/2001	128	3.36	138		
334	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021273	Đỗ Minh Hiếu	18/10/2001	138	3.20	138	TA	
335	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021271	Nguyễn Trung Hiếu	16/04/2001	136	3.23	138	TA	
336	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021272	Nguyễn Trung Hiếu	14/09/2001	97	2.39	138	GDTC TA	
337	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021276	Nguyễn Vũ Hiệu	06/03/2001	125	3.40	138		

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
338	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021280	Trần Huy Hoàn	10/01/2001	138	3.46	138	TA	
339	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021284	Bùi Huy Hoàng	17/01/2001	128	3.58	138	TA	
340	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021281	Đinh Phú Hoàng	16/10/2001	139	3.51	138	TA	
341	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021286	Nguyễn Hữu Hoàng	27/01/2001	121	2.72	138	TA	
342	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021285	Trần Minh Hoàng	31/01/2001	138	3.27	138	TA	
343	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19020034	Trần Minh Hoàng	19/05/2001	109	3.28	138	TA	
344	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19020035	Cao Nguyễn Hùng	18/03/2001	144	3.15	138	TA	
345	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021290	Nguyễn Văn Hùng	23/01/2001	128	3.26	138	TA	
346	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19020103	Dương Nhật Huy	15/07/2001	89	2.69	138	GDTC	
347	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021305	Lê Bá Gia Huy	02/09/2001	141	2.69	138	TA	
348	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021301	Trương Gia Huy	22/07/2001	138	3.30	138	TA	
349	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19020100	Bùi Danh Hưng	18/03/2001	114	2.61	138	GDTC	
350	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021295	Nguyễn Mạnh Hưng	18/05/2001	130	3.29	138	GDTC TA	
351	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021297	Trần Ngọc Hướng	11/12/2001	138	3.46	138	TA	
352	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19020104	Nguyễn Ngọc Khang	30/06/2001	76	2.63	138	GDTC	
353	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021311	Đặng Tiến Khánh	16/07/2001	134	3.12	138		
354	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021313	Nguyễn Quốc Khánh	02/09/2001	139	2.98	138	TA	
355	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021314	Tống Duy Khánh	19/07/2001	116	3.05	138	TA	
356	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19020105	Nguyễn Duy Đức Khoa	11/08/2001	131	2.79	138		
357	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19020107	Khuất Bảo Kiên	10/04/2001	113	2.61	138		
358	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19020106	Nguyễn Thế Kiên	04/09/2001	123	2.63	138		
359	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021319	Đặng Xuân Lãm	22/11/2001	119	2.39	138	TA	
360	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021318	Lưu Văn Lâm	28/12/2001	144	3.02	138	TA	
361	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021320	Trần Duy Linh	21/02/2001	132	2.83	138	TA	
362	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19020110	Trần Hoàng Bảo Long	02/01/2001	135	3.22	138		
363	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021323	Trần Thành Long	13/02/2001	138	3.08	138	TA	
364	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021322	Trần Thế Mạnh Long	28/12/2001	95	2.66	138	TA	
365	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19020036	Vũ Hoàng Long	06/11/2001	135	2.79	138	TA	
366	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021327	Vũ Lê Mai	28/04/2001	125	3.26	138	GDTC TA	
367	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021328	Lê Xuân Mạnh	17/08/2001	119	2.44	138	GDTC	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
								TA	
368	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19020111	Ngô Đức Mạnh	10/11/2001	132	2.66	138	GDTC	
369	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021329	Nguyễn Tuấn Mạnh	29/08/2001	136	3.28	138		
370	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19020113	Nguyễn Bảo Minh	04/07/2001	116	2.49	138		
371	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021333	Nguyễn Công Minh	15/08/2001	115	2.59	138	TA	
372	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021332	Nguyễn Quang Minh	01/09/2001	135	2.68	138		
373	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021338	Hà Phương Nam	14/08/2001	7	2.86	138	GDTC TA HP	
374	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021335	Trần Đình Nam	01/09/2001	128	3.11	138	TA	
375	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021337	Vũ Thế Nam	04/08/2001	128	3.29	138		
376	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021340	Nguyễn Hữu Nghĩa	18/06/2001	128	2.90	138		
377	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19020064	Nguyễn Lê Minh Ngọc	08/10/2001	122	2.66	138	TA	
378	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19020115	Phạm Hoàng Phi	09/12/2001	135	3.31	138		
379	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021347	Bùi Thu Phương	07/12/2001	108	3.56	138		
380	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021346	Vương Thanh Phương	01/05/2001	138	3.41	138	TA	
381	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19020117	Hoàng Nhật Quang	11/11/2001	132	2.73	138		
382	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021355	Ngô Đình Ngọc Quang	01/02/2001	103	2.71	138	TA	
383	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19020065	Nguyễn Vinh Quang	06/11/2001	113	2.78	138	GDTC TA	
384	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021350	Đỗ Mạnh Quân	21/01/2001	128	2.86	138	TA	
385	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021351	Nguyễn Hồng Quân	01/09/2001	132	3.20	138	TA	
386	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021359	Kiều Thái Sơn	23/04/2001	128	2.97	138		
387	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021363	Nguyễn Minh Thái	02/03/2001	128	3.07	138	TA	
388	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021362	Thân Hồng Thái	04/01/2001	125	3.32	138		
389	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021364	Nguyễn Chí Thanh	30/10/2001	132	2.74	138	TA	
390	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021370	Đào Duy Thượng	23/08/2001	116	2.49	138		
391	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021373	Phí Trần Toàn	28/05/2001	105	2.09	138	TA	
392	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021372	Bùi Văn Toán	25/09/2001	138	3.35	138	TA	
393	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19020118	Lê Thu Trà	16/10/2001	103	2.54	138	GDTC	
394	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021377	Đỗ Minh Trung	09/02/2001	123	2.79	138	TA	
395	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021378	Lê Quang Trung	19/07/2001	54	2.20	138	GDTC	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
								TA	
396	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021381	Nguyễn Văn Tú	17/07/2001	135	2.96	138		
397	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021383	Nguyễn Anh Tuấn	15/12/2001	43	2.85	138	GDTC TA	
398	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021382	Nguyễn Đức Tuấn	22/11/2001	114	2.92	138		
399	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021384	Nguyễn Mạnh Tuấn	28/12/2001	126	2.82	138	TA	
400	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021386	Chu Thanh Tùng	30/04/2001	128	2.80	138		
401	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19020067	Trần Việt Tùng	06/01/2001	125	2.86	138	TA	
402	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021388	Kiều Văn Tuyên	01/03/2001	138	3.46	138	TA	
403	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021393	Hà Long Việt	04/10/2001	118	2.95	138		
404	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021392	Trần Quang Việt	09/04/2001	128	2.85	138		
405	QH-2019-I/CQ-CA-CLC	19021396	Phạm Thanh Vĩnh	13/01/2001	138	3.82	138	TA	
2. Chương trình đào tạo chuẩn									
1.	QH-2015-I/CQ-C-A-C	15021108	Vũ Hoàng Long	12/09/1997	124	2.59	121	GDTC	
2.	QH-2015-I/CQ-C	15021142	Trần Thanh Tùng	10/03/1997	121	2.71	121	GDTC	
3.	QH-2015-I/CQ-T	15022005	Trần Ngọc Minh	30/08/1997	115	2.93	122		
4.	QH-2016-I/CQ-E	16021526	Lê Văn Tiến	25/06/1998	142	2.28	142	GDTC	
5.	QH-2016-I/CQ-H	16022321	Lê Công Chính	17/03/1998	141	2.37	141	KNM	
6.	QH-2016-I/CQ-T	16021273	Phạm Tuấn Dũng	31/01/1998	118	2.39	122	Chưa hoàn thiện điểm HK2	
7.	QH-2016-I/CQ-N	16022443	Kiều Thanh Nam	03/11/1998	143	2.50	143	GDTC	
8.	QH-2017-I/CQ-C	17020569	Hoàng Tuấn Anh	01/10/1999	118	2.46	121		
9.	QH-2017-I/CQ-C	17020578	Nguyễn Hữu Nam Anh	24/01/1999	112	2.79	121	TA	
10.	QH-2017-I/CQ-C	17020587	Phạm Công Tuấn Anh	28/09/1999	121	2.51	121	TA	
11.	QH-2017-I/CQ-C	17020185	Trần Tuấn Anh	06/06/1998	37	2.36	121	GDTC	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
								KNM TA	
12.	QH-2017-I/CQ-C	17020626	Nguyễn Cao Cường	26/06/1997	108	2.13	121		
13.	QH-2017-I/CQ-C	17020636	Dư Đình Doanh	14/12/1999	120	2.99	121		
14.	QH-2017-I/CQ-C	17020666	Vũ Mạnh Đan	17/11/1999	114	2.96	121	TA	
15.	QH-2017-I/CQ-C	17020668	Đào Trọng Đạt	16/03/1999	118	2.32	121		
16.	QH-2017-I/CQ-C	17020669	Đinh Tiến Đạt	13/01/1999	121	2.67	121	TA	
17.	QH-2017-I/CQ-C	17020693	Đặng Mạnh Đức	08/06/1999	84	2.38	121	GDTC TA	
18.	QH-2017-I/CQ-C	17020696	Nguyễn Bá Đức	19/07/1999	104	2.84	121	TA	
19.	QH-2017-I/CQ-C	17020698	Nguyễn Tiến Đức	02/06/1999	115	2.39	121	TA	
20.	QH-2017-I/CQ-C	17020700	Phạm Minh Đức	18/06/1999	121	2.69	121	TA	
21.	QH-2017-I/CQ-C	17020712	Nguyễn Việt Hà	10/09/1999	122	2.77	121	TA	
22.	QH-2017-I/CQ-C	17020730	Nguyễn Xuân Hiển	27/08/1999	121	2.44	121	TA	
23.	QH-2017-I/CQ-C	17020735	Nguyễn Quang Hiệp	03/04/1999	105	2.61	121	TA	
24.	QH-2017-I/CQ-C	17020740	Nguyễn Danh Hiếu	07/08/1999	113	2.46	121	TA	
25.	QH-2017-I/CQ-C	17020747	Nguyễn Phương Hiếu	21/07/1999	117	3.18	121		
26.	QH-2017-I/CQ-C	17020749	Nguyễn Trung Hiếu	05/11/1999	120	2.44	121		
27.	QH-2017-I/CQ-C	17020761	Bùi Huy Hoàng	25/07/1999	120	2.69	121		
28.	QH-2017-I/CQ-C	17020767	Nguyễn Đức Hoàng	11/03/1999	90	2.25	121	TA	
29.	QH-2017-I/CQ-C	17020769	Nguyễn Văn Hoàng	07/10/1999	114	2.53	121	TA	
30.	QH-2017-I/CQ-C	17020779	Lê Viết Hoành	26/04/1999	109	2.46	121	TA	
31.	QH-2017-I/CQ-C	17020801	Phan Quốc Huy	05/02/1999	115	2.83	121	TA	
32.	QH-2017-I/CQ-C	17020184	Nguyễn Mạnh Hưng	01/09/1998	73	2.36	121	TA	
33.	QH-2017-I/CQ-C	17020818	Trịnh Ngọc Hưng	02/04/1999	115	2.34	121		
34.	QH-2017-I/CQ-C	17020821	Nguyễn Thị Thu Hương	22/01/1999	118	2.56	121	TA	
35.	QH-2017-I/CQ-C	17020826	Phạm Đức Khả	13/10/1999	93	2.54	121		
36.	QH-2017-I/CQ-C	17020828	Nguyễn Đình Khải	23/12/1999	87	2.56	121	GDTC KNM HS HP TA	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
37.	QH-2017-I/CQ-C	17020830	Trần Văn Khải	21/07/1999	114	2.87	121	TA	
38.	QH-2017-I/CQ-C	17020834	Nguyễn Công Khánh	12/02/1999	104	3.13	121	KNM TA	
39.	QH-2017-I/CQ-C	17020836	Tăng Ngọc Khánh	14/03/1999	70	2.11	121	GDTC TA	
40.	QH-2017-I/CQ-C	17020838	Đỗ Lương Khoa	06/06/1999	114	3.18	121	TA	
41.	QH-2017-I/CQ-C	17020855	Ngọc Văn Linh	09/09/1999	99	2.51	121	KNM	
42.	QH-2017-I/CQ-C	17020864	Nguyễn Đắc Long	13/09/1999	123	2.65	121	TA	
43.	QH-2017-I/CQ-C	17020895	Nguyễn Đức Minh	16/11/1999	117	2.52	121		
44.	QH-2017-I/CQ-C	17020905	Bùi Hoàng Nam	25/03/1999	121	3.07	121	TA	
45.	QH-2017-I/CQ-C	17020909	Đào Duy Nam	23/06/1999	99	2.49	121		
46.	QH-2017-I/CQ-C	17020913	Nguyễn Sỹ Nam	26/03/1999	114	2.60	121	KNM TA	
47.	QH-2017-I/CQ-C	17020915	Nguyễn Thành Nam	30/01/1999	107	2.86	121	GDTC TA	
48.	QH-2017-I/CQ-C	17020939	Đặng Văn Nguyễn	26/07/1999	121	2.59	121	TA	
49.	QH-2017-I/CQ-C	17020950	Trần Viết Phi	14/02/1999	121	2.84	121	TA	
50.	QH-2017-I/CQ-C	17020990	Nguyễn Trung Quốc	25/04/1999	119	2.36	121	TA	
51.	QH-2017-I/CQ-C	17021008	Đặng Đức Tài	04/11/1999	111	3.00	121		
52.	QH-2017-I/CQ-C	17021027	Ngô Xuân Thắng	28/06/1999	98	2.18	121	GDTC TA	
53.	QH-2017-I/CQ-C	17021032	Ninh Doãn Thắng	13/01/1999	121	2.65	121	TA	
54.	QH-2017-I/CQ-C	17021048	Nguyễn Vũ Thịnh	11/06/1999	120	2.62	121	GDTC	
55.	QH-2017-I/CQ-C	17021060	Đặng Ngọc Tiến	24/03/1999	78	1.87	121	TA	
56.	QH-2017-I/CQ-C	17021062	Trần Xuân Tiến	18/10/1999	118	2.76	121	GDTC TA	
57.	QH-2017-I/CQ-C	17021077	Nguyễn Thị Minh Trang	05/06/1999	98	2.76	121	GDTC TA	
58.	QH-2017-I/CQ-C	17021088	Thân Thế Trung	05/01/1999	100	2.28	121	GDTC TA	
59.	QH-2017-I/CQ-C	17021116	Đinh Văn Tuyên	09/04/1999	121	3.13	121	TA	
60.	QH-2017-I/CQ-C	17021122	Trịnh Đức Văn	16/10/1999	26	2.08	121	GDTC KNM	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
								TA	
61.	QH-2017-I/CQ-C	17021130	Vũ Minh Việt	26/08/1999	44	2.00	121	GDTC KNM TA	
62.	QH-2017-I/CQ-C	17021131	Cao Thế Vinh	03/07/1999	84	2.10	121	TA	
63.	QH-2017-I/CQ-C	17021143	Nguyễn Xuân Xá	12/08/1999	65	2.46	121	GDTC KNM TA	
64.									
65.	QH-2017-I/CQ-J	17021150	Trần Thành Công	28/06/1999	103	2.42	120	TN	
66.	QH-2017-I/CQ-J	17021152	Lê Hữu Đạt	28/03/1999	98	2.33	120	TN	
67.	QH-2017-I/CQ-J	17021153	Đặng Minh Hoàng	18/12/1998	104	2.34	120	TN	
68.	QH-2017-I/CQ-J	17021159	Nguyễn Thị Lan Hương	29/06/1999	110	2.55	120	TN	
69.	QH-2017-I/CQ-J	17021169	Nguyễn Duy Thức	15/11/1997	108	2.74	120	TN	
70.	QH-2017-I/CQ-J	17021136	Nguyễn Công Vũ	20/04/1999	120	2.35	120	TN	
71.	QH-2017-I/CQ-C-A-C	17020616	Nguyễn Duy Chương	01/11/1999	116	2.97	121		
72.	QH-2017-I/CQ-C-A-C	17021266	Nguyễn Xuân Huy	26/09/1999	104	2.30	121	KNM	
73.	QH-2017-I/CQ-C-A-C	17021196	Nguyễn Minh Long	09/10/1999	9	1.67	121	GDTC KNM TA	
74.	QH-2017-I/CQ-C-A-C	17021199	Nguyễn Hoài Nam	13/12/1999	90	2.05	121		
75.	QH-2017-I/CQ-C-A-C	17020036	Nguyễn Nhật Nam	17/10/1999	106	3.13	121	TA	
76.	QH-2017-I/CQ-Đ-B	17020480	Hoàng Đức Hùng	30/08/1999	114	2.51	120	TA	
77.	QH-2017-I/CQ-Đ-B	17020162	Nguyễn Văn Sang	26/11/1998	102	1.85	120	GDTC TA	
78.	QH-2017-I/CQ-M	17020231	Ngô Tuấn Anh	03/06/1999	84	2.45	120	TA	
79.	QH-2017-I/CQ-M	17020235	Vũ Tiến Anh	26/01/1999	120	2.51	120	TA	
80.	QH-2017-I/CQ-M	17020261	Nguyễn Huy Dư	04/07/1998	86	2.18	120	GDTC KNM TA	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
81.	QH-2017-I/CQ-M	17020292	Nguyễn Lương Hiếu	15/07/1999	109	2.50	120	TA	
82.	QH-2017-I/CQ-M	17020302	Nguyễn Huy Hoàng	14/09/1999	108	2.40	120		
83.	QH-2017-I/CQ-M	17020309	Bùi Văn Huân	11/07/1999	108	2.14	120	TA	
84.	QH-2017-I/CQ-M	17020327	Nguyễn Trần Huy	15/09/1999	118	2.06	120		
85.	QH-2017-I/CQ-M	17020329	Vũ Văn Huy	17/06/1999	120	2.20	120	TA	
86.	QH-2017-I/CQ-M	17020344	Nguyễn Đình Khôi	30/06/1999	120	3.23	120	TA	
87.	QH-2017-I/CQ-M	17020348	Lê Đức Linh	14/01/1999	120	2.48	120	TA	
88.	QH-2017-I/CQ-M	17020367	Ngô Viết Mạnh	09/04/1999	89	2.01	120	TA	
89.	QH-2017-I/CQ-M	17020410	Nguyễn Đắc Sơn	15/03/1999	120	2.85	120	TA	
90.	QH-2017-I/CQ-M	17020448	Nguyễn Văn Trường	21/01/1999	120	2.52	120	TA	
91.	QH-2017-I/CQ-M	17020471	Nguyễn Tiến Tuynh	09/09/1999	120	2.38	120	TA	
92.	QH-2017-I/CQ-T	17021173	Lê Quang Hưng	07/07/1998	56	2.36	122	GDTC KNM TA	
93.	QH-2017-I/CQ-T	17021174	Phan Hữu Hưng	25/12/1999	100	2.41	122		
94.	QH-2017-I/CQ-V	17021404	Nguyễn Văn Điệp	29/09/1999	120	2.38	120	TA	
95.	QH-2017-I/CQ-V	17021413	Bùi Mạnh Hùng	10/01/1998	106	2.53	120	GDQP TA	
96.	QH-2017-I/CQ-V	17021424	Hoàng Văn Kiên	21/07/1998	107	2.44	120	TA	
97.	QH-2017-I/CQ-V	17021430	Đinh Hồng Phong	15/06/1999	120	2.89	120	TA	
98.	QH-2017-I/CQ-V	17021437	Trịnh Xuân Quỳnh	12/04/1999	113	2.35	120	TA	
99.	QH-2017-I/CQ-V	17021442	Nguyễn Đăng Thành	19/12/1999	117	2.67	120		
100	QH-2017-I/CQ-V	17021448	Nguyễn Bá Tuấn	19/10/1999	120	2.42	120	TA	
101	QH-2017-I/CQ-AE	17020756	Hoàng Đình Hoan	05/06/1999	136	3.14	146	GDTC	
102	QH-2017-I/CQ-AE	17021129	Trần Đại Việt	11/07/1999	152	3.23	146	GDTC TA	
103	QH-2017-I/CQ-E	17021364	Nguyễn Quốc Cường	04/02/1997	142	2.84	142	TA	
104	QH-2017-I/CQ-E	17021365	Nguyễn Tiến Dũng	24/10/1996	140	2.92	142	TA	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
105	QH-2017-I/CQ-E	17021369	Nguyễn Mạnh Hoan	10/05/1999	144	2.74	142	TA	
106	QH-2017-I/CQ-E	17021370	Đỗ Quang Hợp	20/02/1999	144	2.70	142	TA	
107	QH-2017-I/CQ-H	17020607	Phạm Cơ Bình	04/12/1999	138	2.71	141	GDTC	
108	QH-2017-I/CQ-H	17020206	Hoàng Văn Duy	27/11/1997	141	2.63	141	TA	
109	QH-2017-I/CQ-H	17020221	Vũ Tấn Thành	20/11/1999	131	2.49	141		
110	QH-2017-I/CQ-H	17020223	Nguyễn Văn Thể	26/10/1999	131	2.57	141		
111	QH-2017-I/CQ-N	17020702	Trịnh Văn Đức	17/04/1999	143	2.84	143	TA	
112	QH-2018-I/CQ-C	18020108	Nguyễn Văn An	02/07/2000	117	3.03	121		
113	QH-2018-I/CQ-C	18020169	Đỗ Tuấn Anh	06/11/2000	118	2.56	121		
114	QH-2018-I/CQ-C	18020120	Nguyễn Tấn Việt Anh	03/01/2000	114	2.62	121	GDTC TA	
115	QH-2018-I/CQ-C	18020172	Võ Việt Anh	05/12/2000	114	2.76	121		
116	QH-2018-I/CQ-C	18020201	Nguyễn Thị Thanh Bảo	11/07/2000	121	3.51	121	TA	
117	QH-2018-I/CQ-C	18020209	Lương Cao Biền	18/08/2000	121	3.03	121	TA	
118	QH-2018-I/CQ-C	18020251	Lê Mạnh Cường	17/05/2000	109	2.61	121	TA	
119	QH-2018-I/CQ-C	18020261	Nguyễn Cao Cường	05/01/2000	115	2.64	121	TA	
120	QH-2018-I/CQ-C	18020259	Nguyễn Kiên Cường	01/07/2000	114	2.68	121	TA	
121	QH-2018-I/CQ-C	18020299	Nông Thị Diễm	01/10/2000	114	3.10	121	TA	
122	QH-2018-I/CQ-C	18020369	Phạm Mạnh Dũng	22/02/2000	115	3.13	121		
123	QH-2018-I/CQ-C	18020384	Trần Quốc Dũng	11/05/2000	114	2.38	121		
124	QH-2018-I/CQ-C	18020399	Bùi Xuân Dương	08/09/2000	66	2.37	121	GDTC TA	
125	QH-2018-I/CQ-C	18020010	Phạm Khắc Đạt	19/05/2000	114	3.42	121	TA	
126	QH-2018-I/CQ-C	18020316	Vũ Văn Đông	29/04/1999	108	2.86	121	GDQP	
127	QH-2018-I/CQ-C	18020329	Vũ Minh Đức	28/03/2000	105	2.58	121		
128	QH-2018-I/CQ-C	18020482	Nguyễn Minh Hiếu	24/03/2000	120	2.63	121		
129	QH-2018-I/CQ-C	18020531	Phạm Văn Hoan	13/05/2000	117	2.86	121		
130	QH-2018-I/CQ-C	18020546	Nguyễn Huy Hoàng	01/04/2000	121	3.23	121	TA	
131	QH-2018-I/CQ-C	18020019	Thái Phi Hoàng	06/11/2000	118	2.83	121	TA	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
132	QH-2018-I/CQ-C	18020585	Nguyễn Hữu Hùng	28/07/2000	118	2.81	121		
133	QH-2018-I/CQ-C	18020070	Trịnh Tuấn Hùng	05/10/1999	90	2.19	121	GDTC KNM TA	
134	QH-2018-I/CQ-C	18020669	Bùi Xuân Khải	30/10/2000	87	2.41	121		
135	QH-2018-I/CQ-C	18020723	Đoàn Trọng Khôi	07/11/2000	118	2.61	121	TA	
136	QH-2018-I/CQ-C	18020720	Nguyễn Hòa Khôi	16/06/1997	111	2.96	121	TA	
137	QH-2018-I/CQ-C	18020749	Đỗ Xuân Lâm	09/02/2000	109	2.70	121	TA	
138	QH-2018-I/CQ-C	18020784	Nguyễn Xuân Lộc	11/02/2000	115	2.82	121		
139	QH-2018-I/CQ-C	18020864	Nguyễn Đồng Lực	16/01/2000	121	3.12	121	TA	
140	QH-2018-I/CQ-C	18020930	Nguyễn Duy Nam	09/02/2000	114	2.97	121	GDTC TA	
141	QH-2018-I/CQ-C	18020925	Nguyễn Thành Nam	25/12/2000	102	3.12	121	TA	
142	QH-2018-I/CQ-C	18020937	Nguyễn Thành Nam	07/10/2000	96	2.51	121	TA	
143	QH-2018-I/CQ-C	18020945	Lê Hữu Nghĩa	03/11/2000	115	2.29	121	TA	
144	QH-2018-I/CQ-C	18021003	Nguyễn Viết Nam Phong	22/10/2000	114	2.60	121		
145	QH-2018-I/CQ-C	18021044	Nguyễn Minh Quang	11/09/2000	114	2.93	121		
146	QH-2018-I/CQ-C	18021117	Bùi Linh Tâm	07/11/2000	115	2.85	121		
147	QH-2018-I/CQ-C	18020049	Lại Ngọc Tân	05/09/2000	123	3.59	121	TA	
148	QH-2018-I/CQ-C	18021124	Phạm Trọng Tấn	26/08/2000	122	2.71	121	GDTC TA	
149	QH-2018-I/CQ-C	18021129	Nguyễn Hồng Thái	11/12/2000	38	1.88	121	GDTC KNM TA	
150	QH-2018-I/CQ-C	18021181	Bùi Quang Thành	09/12/2000	99	2.64	121	TA	
151	QH-2018-I/CQ-C	18021193	Mai Tiến Thành	26/12/2000	115	2.76	121	GDTC	
152	QH-2018-I/CQ-C	18021170	Nguyễn Tuấn Thành	04/10/2000	114	3.23	121		
153	QH-2018-I/CQ-C	18021158	Nguyễn Văn Thắng	15/02/2000	122	2.87	121	TA	
154	QH-2018-I/CQ-C	18021140	Phạm Việt Thắng	20/10/2000	118	2.84	121		
155	QH-2018-I/CQ-C	18021306	Lê Hữu Trí	13/02/2000	121	2.86	121	TA	
156	QH-2018-I/CQ-C	18021315	Lý Hà Trung	12/03/2000	118	2.38	121		
157	QH-2018-I/CQ-C	18021324	Nguyễn Ngọc Trung	23/09/2000	65	2.37	121	GDTC KNM	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
								TA	
158	QH-2018-I/CQ-C	18021340	Dương Văn Trường	25/07/2000	116	2.70	121		
159	QH-2018-I/CQ-C	18021345	Nguyễn Huy Trường	09/11/2000	115	3.15	121		
160	QH-2018-I/CQ-C	18021348	Nguyễn Hoàng Tú	21/11/2000	111	2.97	121		
161	QH-2018-I/CQ-C	18021428	Đỗ Thành Vinh	09/12/2000	121	3.00	121	TA	
162	QH-2018-I/CQ-J	18020136	Đỗ Quang Anh	15/07/2000	121	3.47	120	TN	
163	QH-2018-I/CQ-J	18020127	Nguyễn Đức Anh	20/12/2000	108	2.76	120		
164	QH-2018-I/CQ-J	18020146	Nguyễn Tú Anh	22/11/2000	113	2.85	120	TN	
165	QH-2018-I/CQ-J	18020199	Đậu Hữu Bằng	07/05/2000	107	2.69	120	TN	
166	QH-2018-I/CQ-J	18020210	Nguyễn Đình Biển	19/10/2000	121	3.49	120	TN	
167	QH-2018-I/CQ-J	18020258	Nguyễn Việt Cường	13/08/2000	110	2.96	120	TN	
168	QH-2018-I/CQ-J	18020305	Nguyễn Quang Dĩnh	16/07/2000	120	2.89	120	TN	
169	QH-2018-I/CQ-J	18020417	Nguyễn Khắc Duy	02/10/2000	120	2.83	120	TN	
170	QH-2018-I/CQ-J	18020287	Nguyễn Tiến Đạt	18/05/2000	83	2.62	120	GDTC TN	
171	QH-2018-I/CQ-J	18020453	Phạm Ngọc Hải	17/11/2000	118	3.26	120	TN	
172	QH-2018-I/CQ-J	18020460	Hoàng Dương Hào	16/08/2000	123	3.14	120	TN	
173	QH-2018-I/CQ-J	18020459	Ngô Văn Hào	11/12/2000	120	3.24	120	TN	
174	QH-2018-I/CQ-J	18020584	Phạm Thanh Hùng	11/07/2000	113	2.95	120	TN	
175	QH-2018-I/CQ-J	18020659	Lê Đức Huy	01/01/2000	117	2.91	120	TN	
176	QH-2018-I/CQ-J	18020663	Tạ Thị Huyền	12/03/2000	123	2.99	120	KNM	
177	QH-2018-I/CQ-J	18020626	Nguyễn Chính Hữu	25/11/2000	113	2.98	120	TN	
178	QH-2018-I/CQ-J	18020688	Nguyễn Ngọc Khánh	28/12/2000	104	2.56	120	KNM TN	
179	QH-2018-I/CQ-J	18020855	Nguyễn Hoàng Long	18/02/2000	113	2.87	120	TN	
180	QH-2018-I/CQ-J	18020847	Phạm Văn Long	27/05/2000	113	2.88	120	TN	
181	QH-2018-I/CQ-J	18020856	Trần Thanh Long	10/02/2000	107	2.29	120	TN	
182	QH-2018-I/CQ-J	18020916	Phan Văn Minh	11/08/2000	120	3.30	120	TN	
183	QH-2018-I/CQ-J	18020920	Nguyễn Văn Nam	19/08/2000	120	2.91	120	TN	
184	QH-2018-I/CQ-J	18021054	Trần Văn Quang	04/12/1999	113	2.90	120	TN	
185	QH-2018-I/CQ-J	18021086	Lương Thái Sơn	31/03/2000	104	2.59	120	TN	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
186	QH-2018-I/CQ-J	18021079	Nguyễn Ngọc Sơn	15/06/2000	113	3.11	120	KNM TN	
187	QH-2018-I/CQ-J	18021089	Trịnh Lê Sơn	16/08/2000	113	3.16	120		
188	QH-2018-I/CQ-J	18021195	Trương Gia Bảo Thao	04/01/2000	120	2.85	120	TN	
189	QH-2018-I/CQ-J	18021217	Trần Khắc Thiện	01/08/2000	120	3.21	120	TN	
190	QH-2018-I/CQ-J	18021245	Trịnh Thị Thư	21/01/2000	120	2.86	120	TN	
191	QH-2018-I/CQ-J	18021273	Vũ Ngọc Tiến	06/02/2000	120	2.84	120	TN	
192	QH-2018-I/CQ-J	18021277	Nguyễn Thái Tiệp	20/06/2000	120	3.47	120	TN	
193	QH-2018-I/CQ-J	18020063	Nguyễn Hoàng Việt	05/02/2000	125	3.24	120	TN	
194	QH-2018-I/CQ-J	18020065	Nguyễn Quang Vinh	24/12/2000	120	3.37	120	TN	
195	QH-2018-I/CQ-J	18021451	Nguyễn Thị Xuân	05/02/2000	120	3.39	120	TN	
196	QH-2018-I/CQ-M	18020128	Nguyễn Đức Anh	27/01/2000	120	2.59	120	TA	
197	QH-2018-I/CQ-M	18020005	Nguyễn Thanh Bình	25/04/2000	54	2.48	120	GDTC KNM TA	
198	QH-2018-I/CQ-M	18020224	Nguyễn Văn Chiến	14/09/1999	113	3.21	120		
199	QH-2018-I/CQ-M	18020379	Phạm Trọng Dũng	16/06/2000	120	2.19	120	TA	
200	QH-2018-I/CQ-M	18020303	Nguyễn Văn Điệp	23/12/1998	112	2.56	120	GDTC TA	
201	QH-2018-I/CQ-M	18020440	Trần Mạnh Hải	18/06/2000	82	2.23	120	GDTC KNM TA	
202	QH-2018-I/CQ-M	18020516	Vũ Thanh Hiếu	17/11/2000	120	2.79	120	TA	
203	QH-2018-I/CQ-M	18020547	Võ Việt Hoàng	04/08/2000	118	2.43	120		
204	QH-2018-I/CQ-M	18020588	Trịnh Tiến Hùng	18/11/2000	120	2.64	120	TA	
205	QH-2018-I/CQ-M	18020709	Nguyễn Quốc Khánh	22/03/2000	112	2.27	120	TA	
206	QH-2018-I/CQ-M	18020728	Hứa Văn Khuyết	29/12/2000	120	2.91	120	TA	
207	QH-2018-I/CQ-M	18020854	Cao Nguyên Long	05/06/2000	116	2.48	120	GDTC	
208	QH-2018-I/CQ-M	18020814	Đinh Hải Long	20/10/2000	114	2.13	120		
209	QH-2018-I/CQ-M	18020794	Nguyễn Thành Long	17/04/2000	96	2.05	120	GDTC	
210	QH-2018-I/CQ-M	18020870	Phạm Văn Luyến	04/02/2000	120	2.52	120	TA	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
211	QH-2018-I/CQ-M	18020959	Ngô Minh Ngọc	27/01/2000	118	2.17	120		
212	QH-2018-I/CQ-M	18020977	Bùi Đức Nhật	16/02/2000	110	2.30	120	TA	
213	QH-2018-I/CQ-M	18020997	Phạm Trung Phong	10/07/2000	115	2.80	120		
214	QH-2018-I/CQ-M	18021024	Nguyễn Thanh Phương	16/01/2000	120	2.41	120	TA	
215	QH-2018-I/CQ-M	18021191	Hoàng Huy Thành	14/04/1999	100	2.28	120	GDTC KNM TA	
216	QH-2018-I/CQ-M	18021214	Trần Văn Thiện	27/01/2000	120	3.23	120	TA	
217	QH-2018-I/CQ-T	18020406	Đoàn Đình Dương	17/06/2000	119	2.87	122	TA	
218	QH-2018-I/CQ-T	18020396	Hoàng Anh Dương	19/09/2000	117	3.14	122	KNM	
219	QH-2018-I/CQ-T	18020306	Lê Ngọc Đình	17/05/2000	87	2.25	122	GDTC TA	
220	QH-2018-I/CQ-T	18020556	Dương Minh Hoàng	01/09/2000	75	2.28	122	GDTC TA	
221	QH-2018-I/CQ-T	18020713	Phạm Minh Khiêm	20/09/2000	122	3.64	122	GDTC	
222	QH-2018-I/CQ-T	18020902	Trần Công Minh	15/08/2000	122	2.35	122	KNM	
223	QH-2018-I/CQ-T	18020928	Bùi Văn Nam	10/05/2000	119	3.42	122		
224	QH-2018-I/CQ-T	18021060	Nguyễn Trọng Quốc	18/07/2000	122	3.10	122	GDTC	
225	QH-2018-I/CQ-T	18021183	Ngô Đức Thành	12/12/2000	110	2.74	122		
226	QH-2018-I/CQ-T	18021177	Nguyễn Minh Thành	31/05/2000	119	2.63	122		
227	QH-2018-I/CQ-T	18021197	Nguyễn Trọng Thảo	28/07/2000	119	2.68	122		
228	QH-2018-I/CQ-T	18020056	Nguyễn Tiến Trọng	08/10/2000	120	3.23	122	GDTC	
229	QH-2018-I/CQ-T	18021382	Trịnh Anh Tuấn	13/11/2000	91	2.34	122	GDTC TA	
230	QH-2018-I/CQ-V	18020173	Nguyễn Văn Việt Anh	09/07/2000	113	2.93	120		
231	QH-2018-I/CQ-V	18020216	Vũ Văn Bình	19/01/2000	102	2.36	120	TA	
232	QH-2018-I/CQ-V	18020323	Phạm Anh Đức	08/12/2000	115	2.72	120	GDTC TA	
233	QH-2018-I/CQ-V	18020433	Nguyễn Khánh Hà	07/11/2000	75	3.08	120	TA	
234	QH-2018-I/CQ-V	18020627	Bùi Ngọc Hữu	12/12/2000	70	2.07	120	GDTC KNM	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
								TA	
235	QH-2018-I/CQ-V	18020701	Bùi Quốc Khánh	01/09/2000	110	2.58	120		
236	QH-2018-I/CQ-V	18020703	Nguyễn Tiến Khánh	02/01/1999	118	2.81	120	TA	
237	QH-2018-I/CQ-V	18020926	Trần Hoài Nam	05/10/2000	113	2.73	120		
238	QH-2018-I/CQ-V	18021148	Nguyễn Đức Thắng	04/08/2000	115	2.94	120	TA	
239	QH-2018-I/CQ-V	18021262	Lê Thị Thùy	24/09/2000	117	2.87	120		
240	QH-2018-I/CQ-AE	18020360	Vũ Tiến Dũng	01/07/2000	143	2.95	146	TA	
241	QH-2018-I/CQ-AE	18020438	Nguyễn Văn Hà	08/03/2000	139	2.86	146	TA	
242	QH-2018-I/CQ-AE	18020449	Trương Ngọc Hải	02/05/2000	140	2.97	146	GDTC TA	
243	QH-2018-I/CQ-AE	18020520	Nguyễn Văn Hiệu	19/10/1999	146	2.83	146	GDTC	
244	QH-2018-I/CQ-AE	18020880	Bùi Xuân Mạnh	30/09/2000	143	2.88	146		
245	QH-2018-I/CQ-AE	18021070	Trần Lệ Quỳnh	21/08/1999	146	3.38	146	TA	
246	QH-2018-I/CQ-AE	18021268	Lê Văn Tiến	26/01/1998	140	3.16	146	TA	
247	QH-2018-I/CQ-XD	18020404	Cao Ngọc Dương	29/10/2000	131	2.61	145	KNM	
248	QH-2018-I/CQ-XD	18020389	Nguyễn Hải Dương	09/04/2000	142	2.75	145		
249	QH-2018-I/CQ-XD	18020518	Nguyễn Xuân Hiếu	01/05/2000	145	3.03	145	TA	
250	QH-2018-I/CQ-XD	18020682	Nguyễn Duy Khánh	22/05/2000	97	2.22	145	GDTC	
251	QH-2018-I/CQ-XD	18020739	Lê Tuấn Kiệt	02/04/2000	136	2.22	145	TA	
252	QH-2018-I/CQ-XD	18020825	Lê Việt Long	28/12/2000	145	2.47	145	GDTC TA	
253	QH-2018-I/CQ-XD	18020900	Lương Tuấn Minh	02/01/2000	139	2.42	145	TA	
254	QH-2018-I/CQ-XD	18021005	Mạc Tất Phú	28/12/2000	131	2.47	145	TA	
255	QH-2018-I/CQ-XD	18021119	Đỗ Minh Tân	05/11/2000	121	2.21	145		
256	QH-2018-I/CQ-XD	18021180	Nguyễn Tiến Thành	18/08/2000	110	2.41	145	GDTC	
257	QH-2018-I/CQ-XD	18021164	Tạ Minh Thắng	11/04/2000	128	2.56	145		
258	QH-2018-I/CQ-XD	18021347	Đỗ Quốc Trượng	17/06/2000	145	2.43	145	GDTC TA	
259	QH-2018-I/CQ-H	18020164	Phạm Thế Anh	20/10/2000	127	2.71	141	TA	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
260	QH-2018-I/CQ-H	18020178	Phạm Văn Ánh	24/10/1997	129	2.57	141	TA	
261	QH-2018-I/CQ-H	18020191	Lê Xuân Bách	01/09/1999	110	2.14	141	GDTC TA	
262	QH-2018-I/CQ-H	18020207	Đào Việt Bích	03/10/2000	131	2.63	141	TA	
263	QH-2018-I/CQ-H	18020374	Nguyễn Văn Dũng	01/11/2000	131	2.84	141		
264	QH-2018-I/CQ-H	18020346	Trần Minh Đức	03/07/2000	131	2.56	141	TA	
265	QH-2018-I/CQ-H	18020437	Trần Bảo Hà	10/06/2000	141	2.62	141	TA	
266	QH-2018-I/CQ-H	18020448	Lưu Hữu Hải	29/01/2000	132	2.60	141		
267	QH-2018-I/CQ-H	18020509	Nguyễn Trung Hiếu	23/04/2000	84	2.50	141	GDTC TA	
268	QH-2018-I/CQ-H	18020540	Trần Quốc Hoàn	01/01/2000	131	2.50	141	TA	
269	QH-2018-I/CQ-H	18020563	Nguyễn Bá Hoàng	01/12/2000	131	2.36	141	TA	
270	QH-2018-I/CQ-H	18020650	Ngô Quang Huy	09/09/2000	127	2.28	141	TA	
271	QH-2018-I/CQ-H	18020652	Phạm Văn Huy	01/06/2000	137	2.87	141		
272	QH-2018-I/CQ-H	18020676	Vương Nhĩ Khang	03/10/2000	131	2.58	141		
273	QH-2018-I/CQ-H	18020705	Trần Ngọc Khánh	24/11/2000	117	2.35	141	GDTC TA	
274	QH-2018-I/CQ-H	18020746	Hoàng Xuân Lâm	20/05/2000	117	1.95	141	GDTC TA	
275	QH-2018-I/CQ-H	18020760	Nguyễn Quang Linh	20/11/2000	126	2.65	141	TA	
276	QH-2018-I/CQ-H	18020827	Lê Kim Tuấn Long	28/10/2000	137	2.45	141		
277	QH-2018-I/CQ-H	18020803	Nguyễn Bá Long	26/02/2000	131	2.86	141		
278	QH-2018-I/CQ-H	18020797	Nguyễn Đình Long	30/06/2000	97	2.22	141	GDTC KNM TA	
279	QH-2018-I/CQ-H	18020819	Phùng Trọng Long	01/09/2000	137	2.44	141		
280	QH-2018-I/CQ-H	18020882	Đặng Sỹ Mạnh	10/05/2000	110	2.47	141	GDTC TA	
281	QH-2018-I/CQ-H	18021028	Viên Đình Phương	03/12/2000	127	2.61	141	TA	
282	QH-2018-I/CQ-H	18021083	Đặng Thái Sơn	29/06/2000	131	2.34	141		
283	QH-2018-I/CQ-H	18021094	Phạm Thanh Sơn	20/03/2000	131	3.26	141	TA	
284	QH-2018-I/CQ-H	18021200	Quyền Đình Thạo	04/03/2000	96	2.98	141	GDTC TA	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
285	QH-2018-I/CQ-H	18021154	Phạm Văn Thắng	16/05/2000	117	2.48	141	KNM	
286	QH-2018-I/CQ-H	18021287	Nguyễn Khánh Toàn	01/10/2000	113	2.21	141		
287	QH-2018-I/CQ-H	18021300	Phạm Huyền Trang	17/04/2000	108	2.36	141	GDTC TA	
288	QH-2018-I/CQ-K	18020166	Dương Minh Hoàng Anh	07/06/2000	131	2.89	141		
289	QH-2018-I/CQ-K	18020144	Lưu Tuấn Anh	06/11/2000	131	2.40	141	TA	
290	QH-2018-I/CQ-K	18020189	Nguyễn Quang Bách	17/06/2000	116	2.27	141	TA	
291	QH-2018-I/CQ-K	18020204	Phạm Thế Bảo	30/01/2000	139	2.71	141		
292	QH-2018-I/CQ-K	18020185	Trần Việt Bắc	23/05/1999	128	2.59	141	TA	
293	QH-2018-I/CQ-K	18020363	Uông Việt Dũng	20/06/2000	121	2.24	141	TA	
294	QH-2018-I/CQ-K	18020391	Đỗ Đăng Dương	14/09/2000	142	2.80	141	TA	
295	QH-2018-I/CQ-K	18020279	Nguyễn Thành Đạt	27/04/2000	116	2.15	141	TA	
296	QH-2018-I/CQ-K	18020594	Nguyễn Mạnh Hùng	01/01/2000	138	2.91	141		
297	QH-2018-I/CQ-K	18020597	Phạm Văn Hùng	07/03/2000	131	3.27	141	TA	
298	QH-2018-I/CQ-K	18020657	Nguyễn Hoàng Huy	27/08/2000	138	2.70	141		
299	QH-2018-I/CQ-K	18020677	Lồ Văn Khang	24/09/2000	141	2.61	141	TA	
300	QH-2018-I/CQ-K	18020813	Vũ Thành Long	10/07/2000	84	2.00	141	KNM	
301	QH-2018-I/CQ-K	18020905	Nguyễn Quang Minh	11/09/2000	138	2.62	141		
302	QH-2018-I/CQ-K	18020935	Nguyễn Đắc Nam	14/03/2000	118	2.25	141	TA	
303	QH-2018-I/CQ-K	18020993	Lê Tiến Phát	19/08/2000	142	2.94	141	TC KKT ngành	
304	QH-2018-I/CQ-K	18020994	Dương Đăng Phi	12/03/2000	127	2.86	141	TA	
305	QH-2018-I/CQ-K	18021004	Nguyễn Minh Phú	16/03/2000	128	2.52	141		
306	QH-2018-I/CQ-K	18021051	Đào Minh Quang	01/02/2000	53	2.21	141	GDTC KNM TA	
307	QH-2018-I/CQ-K	18021043	Trần Đăng Quang	28/08/2000	67	1.80	141	KNM	
308	QH-2018-I/CQ-K	18021105	Trần Thế Sơn	29/10/2000	118	2.42	141	KNM TA	
309	QH-2018-I/CQ-K	18021128	Nguyễn Tiến Thái	06/03/2000	128	2.48	141		
310	QH-2018-I/CQ-K	18021130	Vũ Hoàng Thái	27/10/2000	141	2.86	141	TA	
311	QH-2018-I/CQ-K	18021178	Đỗ Tiến Thành	03/06/2000	138	2.91	141		

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
312	QH-2018-I/CQ-K	18021163	Nguyễn Phạm Quang Thắng	27/12/2000	107	2.00	141	GDTC KNM TA	
313	QH-2018-I/CQ-K	18021220	Lê Đình Thiệu	22/08/2000	141	2.50	141	TC KKT ngành	
314	QH-2018-I/CQ-K	18021237	Viên Văn Thoại	09/03/2000	141	2.86	141	TA	
315	QH-2018-I/CQ-K	18020055	Đỗ Hữu Toàn	19/04/2000	141	2.34	141	GDTC	
316	QH-2018-I/CQ-K	18021322	Trần Thành Trung	26/03/2000	128	2.50	141	KNM TA	
317	QH-2018-I/CQ-K	18021356	Phí Văn Tuân	24/08/2000	131	2.83	141		
318	QH-2018-I/CQ-K	18021372	Đào Anh Tuấn	10/10/2000	141	2.75	141	GDTC	
319	QH-2018-I/CQ-K	18021431	Thịnh Thành Vinh	30/09/2000	141	2.71	141	TA	
320	QH-2018-I/CQ-K	18021446	Lưu Văn Vương	02/07/2000	141	2.46	141	TA	
321	QH-2018-I/CQ-K	18021450	Dương Văn Xô	25/01/2000	137	2.26	141	GDTC	
322	QH-2018-I/CQ-R	18020266	Nguyễn Văn Đại	24/05/2000	141	2.87	141	TA	
323	QH-2018-I/CQ-R	18020268	Lê Văn Đán	06/09/2000	124	2.70	141	KNM TA	
324	QH-2018-I/CQ-R	18020328	Nguyễn Ngọc Đức	27/04/2000	89	2.72	141	GDTC KNM TA	
325	QH-2018-I/CQ-R	18021049	Trịnh Minh Quang	18/03/2000	141	2.76	141	TA	
326	QH-2018-I/CQ-R	18021092	Đặng Văn Sơn	02/10/2000	141	2.61	141	TA	
327	QH-2018-I/CQ-R	18020052	Nguyễn Đức Thành	25/05/2000	102	2.09	141	GDTC KNM TA	
328	QH-2018-I/CQ-R	18021153	Mai Tất Thắng	25/09/2000	111	2.54	141		
329	QH-2018-I/CQ-R	18021239	Nguyễn Hữu Thông	20/08/2000	127	2.44	141		
330	QH-2018-I/CQ-E	18020208	Lê Long Biên	25/11/2000	139	3.01	142	TA	
331	QH-2018-I/CQ-E	18020388	Phạm Nhật Dương	08/10/2000	127	2.57	142	TA	
332	QH-2018-I/CQ-E	18020613	Nguyễn Quốc Hưng	13/10/2000	144	2.51	142	TA	
333	QH-2018-I/CQ-E	18020708	Lê Đình Khánh	18/07/2000	107	2.81	142	GDTC TA	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
334	QH-2018-I/CQ-E	18020752	Nguyễn Ngọc Lân	26/09/2000	138	2.89	142	TA	
335	QH-2018-I/CQ-E	18020971	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	03/06/2000	142	2.87	142	TA	
336	QH-2018-I/CQ-E	18021011	Vũ Thế Phúc	05/09/2000	142	2.82	142	TA	
337	QH-2018-I/CQ-E	18021041	Hoàng Kim Quang	12/11/2000	136	2.61	142	TA	
338	QH-2018-I/CQ-E	18021122	Vũ Trọng Tấn	17/12/2000	144	2.95	142	TA	
339	QH-2018-I/CQ-E	18021168	Hà Duy Thanh	07/11/2000	139	2.66	142	TA	
340	QH-2018-I/CQ-E	18021205	Nguyễn Huy Thêm	25/08/2000	138	2.68	142	TA	
341	QH-2018-I/CQ-E	18021288	Nguyễn Song Toàn	01/01/2000	122	2.58	142	TA	
342	QH-2018-I/CQ-E	18021332	Nguyễn Thành Trung	23/03/2000	132	2.51	142	GDTC TA	
343	QH-2018-I/CQ-E	18021394	Trần Duy Tùng	16/02/2000	142	2.97	142	TA	
344	QH-2018-I/CQ-N	18020122	Trần Việt Anh	27/10/2000	143	3.06	143	TA	
345	QH-2018-I/CQ-N	18020184	Nguyễn Hồ Bắc	19/09/2000	133	2.35	143		
346	QH-2018-I/CQ-N	18020217	Phạm Quang Bình	16/07/2000	133	2.45	143		
347	QH-2018-I/CQ-N	18020218	Phan Thanh Bình	16/08/2000	119	2.30	143		
348	QH-2018-I/CQ-N	18020255	Đồng Minh Cường	12/01/2000	143	3.42	143	TA	
349	QH-2018-I/CQ-N	18020377	Hoàng Trung Dũng	12/05/2000	133	2.87	143		
350	QH-2018-I/CQ-N	18020319	Nguyễn Anh Đức	10/10/2000	126	2.95	143	GDTC TA	
351	QH-2018-I/CQ-N	18020456	Phạm Xuân Hanh	10/12/2000	129	2.70	143	TA	
352	QH-2018-I/CQ-N	18020466	Hoàng Văn Hậu	14/08/2000	103	3.16	143	KNM TA	
353	QH-2018-I/CQ-N	18020499	Đinh Ngọc Hiếu	10/12/2000	139	2.74	143	GDTC TA	
354	QH-2018-I/CQ-N	18020564	Phạm Văn Hoàng	28/05/2000	143	2.91	143	GDTC TA	
355	QH-2018-I/CQ-N	18020653	Đặng Quang Huy	18/09/2000	143	2.79	143	TA	
356	QH-2018-I/CQ-N	18020634	Phạm Khánh Huy	23/09/2000	124	2.66	143	TA	
357	QH-2018-I/CQ-N	18020707	Lê Quốc Khánh	02/09/2000	114	2.10	143	GDTC TA	
358	QH-2018-I/CQ-N	18020714	Lê Bình Khiêm	20/06/2000	123	2.66	143	TA	
359	QH-2018-I/CQ-N	18020750	Nguyễn Ngọc Lan	23/04/2000	78	3.47	143	GDTC	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
								TA	
360	QH-2018-I/CQ-N	18020767	Nguyễn Thị Ngọc Linh	11/12/2000	127	2.51	143		
361	QH-2018-I/CQ-N	18020037	Nguyễn Hải Long	15/03/2000	143	3.64	143	TA	
362	QH-2018-I/CQ-N	18020860	Nguyễn Văn Luân	09/11/2000	133	2.28	143	TA	
363	QH-2018-I/CQ-N	18020886	Lê Đức Mạnh	14/11/2000	137	2.58	143		
364	QH-2018-I/CQ-N	18020045	Nguyễn Văn Ngọc	08/12/1999	97	2.06	143	GDTC KNM TA	
365	QH-2018-I/CQ-N	18021116	Nguyễn Văn Tâm	24/09/2000	133	2.75	143	TA	
366	QH-2018-I/CQ-N	18020053	Nguyễn Chí Thành	20/11/2000	144	3.34	143	TA	
367	QH-2018-I/CQ-N	18021213	Phạm Văn Thiện	08/12/2000	146	3.22	143	TA	
368	QH-2018-I/CQ-N	18021253	Phạm Ngọc Thuận	17/07/2000	133	3.50	143	TA	
369	QH-2018-I/CQ-N	18021257	Hoàng Trung Thực	13/11/2000	133	3.61	143	TA	
370	QH-2018-I/CQ-N	18021391	Kiều Văn Tùng	16/03/2000	140	2.95	143	TA	
371	QH-2019-I/CQ-C	19020205	Lê Văn An	06/08/2001	121	3.38	121	TA	
372	QH-2019-I/CQ-C	19020203	Nguyễn Đức An	11/04/2001	121	3.40	121	TA	
373	QH-2019-I/CQ-C	19020075	Nguyễn Đình Tuấn Anh	26/02/2001	83	2.58	121	HS	
374	QH-2019-I/CQ-C	19020210	Nguyễn Trần Nhật Anh	18/09/2001	118	3.45	121		
375	QH-2019-I/CQ-C	19020206	Nguyễn Văn Anh	26/06/2001	114	3.05	121	TA	
376	QH-2019-I/CQ-C	19020216	Đỗ Thị Hồng Ánh	07/01/2001	114	3.40	121		
377	QH-2019-I/CQ-C	19020222	Vũ Quốc Bảo	04/12/2001	118	2.82	121		
378	QH-2019-I/CQ-C	19020221	Nguyễn Lương Bằng	16/08/2001	62	2.05	121	GDTC TA HP	
379	QH-2019-I/CQ-C	19020225	Ngô Tiến Bình	02/01/2001	92	2.94	121	TA	
380	QH-2019-I/CQ-C	19020229	Phạm Minh Chiến	01/09/2001	124	3.27	121	TC KKT ngành	
381	QH-2019-I/CQ-C	19020233	Phí Hữu Chính	13/02/2001	118	3.31	121	TA	
382	QH-2019-I/CQ-C	19020234	Lê Văn Chương	03/02/2001	122	3.32	121	TA	
383	QH-2019-I/CQ-C	19020238	Văn Đăng Cường	17/10/2001	121	3.22	121	TA	
384	QH-2019-I/CQ-C	19020151	Nguyễn Văn Dôn	05/05/2000	112	2.53	121	GDTC TA	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
385	QH-2019-I/CQ-C	19020267	Chu Đình Duy	03/01/2001	81	2.58	121	TA	
386	QH-2019-I/CQ-C	19020269	Đinh Tùng Duy	23/07/2001	115	2.90	121	TA	
387	QH-2019-I/CQ-C	19020253	Đoàn Văn Dự	07/01/2001	112	2.69	121	TA	
388	QH-2019-I/CQ-C	19020163	Vi Tiến Đạt	07/03/2000	98	2.48	121	TA	
389	QH-2019-I/CQ-C	19020249	Bùi Xuân Định	07/01/2001	114	3.51	121	TA	
390	QH-2019-I/CQ-C	19020252	Phạm Tiến Đoàn	22/10/2001	103	2.92	121	TA	
391	QH-2019-I/CQ-C	19020152	Hà Trung Đức	26/12/2000	114	2.19	121	TA	
392	QH-2019-I/CQ-C	19020005	Hoàng Gia Anh Đức	28/10/2001	103	2.79	121	GDTC TA	
393	QH-2019-I/CQ-C	19020258	Lê Trung Đức	08/09/1998	118	3.52	121	TA	
394	QH-2019-I/CQ-C	19020254	Nguyễn Minh Đức	02/04/2001	111	2.88	121	TA	
395	QH-2019-I/CQ-C	19020260	Trần Minh Đức	07/02/2001	111	2.59	121	TA	
396	QH-2019-I/CQ-C	19020270	Hoàng Đức Giang	25/04/2001	101	2.65	121	TA	
397	QH-2019-I/CQ-C	19020272	Vũ Đức Giang	18/08/2001	118	3.19	121		
398	QH-2019-I/CQ-C	19020273	Phạm Việt Hà	22/05/2001	118	2.84	121		
399	QH-2019-I/CQ-C	19020275	Đinh Thanh Hải	05/09/2001	121	2.92	121	TA	
400	QH-2019-I/CQ-C	19020276	Khuất Văn Hải	30/08/2001	121	3.05	121	TA	
401	QH-2019-I/CQ-C	19020283	Lưu Tiến Hiệp	18/04/2001	121	3.29	121	TA	
402	QH-2019-I/CQ-C	19020282	Nguyễn Bá Hiệp	30/01/2001	118	3.44	121		
403	QH-2019-I/CQ-C	19020291	Bùi Xuân Hiếu	03/03/2001	117	3.17	121	TA	
404	QH-2019-I/CQ-C	19020284	Nguyễn Văn Hiếu	23/02/2001	118	3.34	121		
405	QH-2019-I/CQ-C	19020285	Phạm Trung Hiếu	18/12/2001	118	3.08	121		
406	QH-2019-I/CQ-C	19020288	Trương Xuân Hiếu	11/11/2001	118	3.46	121	TA	
407	QH-2019-I/CQ-C	19020295	Nguyễn Như Hoa	14/10/2001	121	3.11	121	TA	
408	QH-2019-I/CQ-C	19020293	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	11/07/2001	121	3.46	121	TA	
409	QH-2019-I/CQ-C	19020298	Lưu Việt Hoàng	08/07/2001	121	3.64	121	TA	
410	QH-2019-I/CQ-C	19020303	Nguyễn Đức Hoàng	19/06/2001	121	3.41	121	TA	
411	QH-2019-I/CQ-C	19020300	Trần Văn Hoàng	01/11/2001	95	2.39	121	TA	
412	QH-2019-I/CQ-C	19020304	Hạp Tiến Hoạt	05/09/2001	121	3.28	121	TA	
413	QH-2019-I/CQ-C	19020305	Phan Văn Hợp	24/02/2001	112	3.03	121	TA	
414	QH-2019-I/CQ-C	19020324	Hà Văn Huy	21/10/2001	118	3.31	121	TA	
415	QH-2019-I/CQ-C	19020046	Nguyễn Đình Huy	12/09/2001	105	2.96	121	GDTC	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
								TA	
416	QH-2019-I/CQ-C	19020321	Trần Quang Huy	06/02/2001	117	2.92	121	TA	
417	QH-2019-I/CQ-C	19020047	Ngô Ngọc Huyền	31/08/2001	121	3.68	121	GDTC HS	
418	QH-2019-I/CQ-C	19020318	Võ Văn Hướng	10/08/2001	121	3.47	121	TA	
419	QH-2019-I/CQ-C	19020331	Nguyễn Thế Khải	31/10/2001	118	3.16	121	GDTC TA	
420	QH-2019-I/CQ-C	19020332	Đặng Bá Khang	30/05/2001	121	2.77	121	TA	
421	QH-2019-I/CQ-C	19020334	Phạm Quang Khánh	20/10/2001	114	2.96	121	TA	
422	QH-2019-I/CQ-C	19020341	Lê Văn Kiên	13/10/2001	121	2.64	121	TA	
423	QH-2019-I/CQ-C	19020338	Nguyễn Hữu Kiên	15/10/2001	115	2.83	121		
424	QH-2019-I/CQ-C	19020345	Hoàng Khắc Lâm	01/04/2001	121	3.02	121	TA	
425	QH-2019-I/CQ-C	19020346	Lê Mạnh Linh	08/08/2001	118	3.10	121		
426	QH-2019-I/CQ-C	19020172	Lữ Thị Thùy Linh	08/11/2000	102	2.51	121	GDTC TA	
427	QH-2019-I/CQ-C	19020347	Nguyễn Thế Linh	21/09/2001	115	2.23	121		
428	QH-2019-I/CQ-C	19020352	Đoàn Lê Bảo Long	19/02/2001	121	3.67	121	TA	
429	QH-2019-I/CQ-C	19020353	Lê Thành Long	10/06/2001	64	2.16	121	TA	
430	QH-2019-I/CQ-C	19020354	Nguyễn Tân Long	25/03/2001	105	2.52	121		
431	QH-2019-I/CQ-C	19020349	Lê Bảo Lộc	01/11/2001	105	2.60	121	TA	
432	QH-2019-I/CQ-C	19020350	Nguyễn Quang Lợi	01/09/2001	121	3.06	121	TA	
433	QH-2019-I/CQ-C	19020356	Phạm Thị Lụa	21/09/2001	111	3.39	121		
434	QH-2019-I/CQ-C	19020166	Hoàng Văn Lương	31/03/2000	99	2.48	121	TA	
435	QH-2019-I/CQ-C	19020358	Phùng Thị Lý	16/02/2001	121	3.31	121	TA	
436	QH-2019-I/CQ-C	19020364	Nguyễn Đăng Mạnh	21/08/2001	118	3.55	121	TA	
437	QH-2019-I/CQ-C	19020361	Nguyễn Hữu Mạnh	10/03/2001	26	2.41	121	GDTC TA HP	
438	QH-2019-I/CQ-C	19020016	Trần Hữu Đức Mạnh	24/08/2001	121	3.51	121	TA	
439	QH-2019-I/CQ-C	19020371	Nguyễn Đăng Minh	05/11/2001	114	3.47	121		
440	QH-2019-I/CQ-C	19020081	Nguyễn Quang Minh	20/10/2001	118	2.92	121		
441	QH-2019-I/CQ-C	19020369	Nguyễn Văn Minh	28/12/2001	118	3.62	121		

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
442	QH-2019-I/CQ-C	19020370	Trương Bình Minh	07/09/2001	114	3.48	121	TA	
443	QH-2019-I/CQ-C	19020374	Đặng Phương Nam	25/02/2001	117	3.01	121		
444	QH-2019-I/CQ-C	19020373	Đỗ Văn Nam	10/06/2001	121	2.79	121	TA	
445	QH-2019-I/CQ-C	19020380	Nguyễn Ngọc Nam	20/10/2001	91	2.30	121	GDTC	
446	QH-2019-I/CQ-C	19020379	Nguyễn Thế Nam	19/06/2001	66	2.69	121	GDTC TA	
447	QH-2019-I/CQ-C	19020378	Phạm Thị Phương Nam	08/12/2001	121	3.08	121	TA	
448	QH-2019-I/CQ-C	19020375	Trương Văn Nam	11/08/2001	121	3.01	121	TA	
449	QH-2019-I/CQ-C	19020382	Đặng Thị Hà Ngân	22/01/2001	118	2.75	121		
450	QH-2019-I/CQ-C	19020384	Võ Hồng Nghiệp	02/01/2001	118	3.09	121	GDTC TA	
451	QH-2019-I/CQ-C	19020051	Phạm Trung Nghĩa	27/09/2001	95	2.63	121	TA	
452	QH-2019-I/CQ-C	19020386	Nguyễn Minh Ngọc	07/05/2001	104	2.26	121	TA	
453	QH-2019-I/CQ-C	19020387	Đinh Thanh Nhàn	02/07/2001	121	3.25	121	TA	
454	QH-2019-I/CQ-C	19020082	Nguyễn Quốc Nhật	15/03/2001	114	2.97	121		
455	QH-2019-I/CQ-C	19020388	Võ Phùng Bảo Nhật	27/01/2000	118	3.11	121		
456	QH-2019-I/CQ-C	19020394	Phạm Tiến Phúc	11/02/2001	118	2.92	121	TA	
457	QH-2019-I/CQ-C	19020393	Trần Thành Phúc	03/07/2001	117	3.30	121	GDTC TA	
458	QH-2019-I/CQ-C	19020396	Nguyễn Văn Phương	26/03/2001	86	2.42	121	TA	
459	QH-2019-I/CQ-C	19020407	Hoàng Minh Quang	13/04/2001	118	3.10	121	TA	
460	QH-2019-I/CQ-C	19020402	Nguyễn Đắc Anh Quang	13/10/2001	90	2.59	121	TA	
461	QH-2019-I/CQ-C	19020403	Nguyễn Văn Quang	16/09/2001	118	2.96	121	TA	
462	QH-2019-I/CQ-C	19020404	Phạm Mạnh Minh Quang	10/01/2001	115	3.11	121	TA	
463	QH-2019-I/CQ-C	19020401	Nguyễn Hữu Hồng Quân	28/01/2001	70	1.98	121	GDTC TA	
464	QH-2019-I/CQ-C	19020399	Phan Anh Quân	27/07/2001	115	2.90	121	GDTC TA	
465	QH-2019-I/CQ-C	19020409	Phạm Văn Quý	14/09/2001	115	2.82	121	GDTC TA	
466	QH-2019-I/CQ-C	19020412	Vũ Xuân Quyết	04/12/2001	108	2.90	121		
467	QH-2019-I/CQ-C	19020418	Lê Duy Sơn	26/03/2001	121	3.59	121	TA	
468	QH-2019-I/CQ-C	19020426	Nguyễn Công Sơn	24/06/2001	76	2.26	121	TA	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
469	QH-2019-I/CQ-C	19020421	Nguyễn Xuân Sơn	10/04/2001	121	3.28	121	TA	
470	QH-2019-I/CQ-C	19020425	Quách Thanh Sơn	09/03/2001	115	2.51	121	TA	
471	QH-2019-I/CQ-C	19020420	Trương Hoàng Sơn	24/08/2001	115	3.43	121		
472	QH-2019-I/CQ-C	19020433	Lưu Mạnh Tân	09/11/2001	111	2.91	121	GDTC TA	
473	QH-2019-I/CQ-C	19020435	Đỗ Trọng Tấn	19/02/2001	81	2.76	121	TA	
474	QH-2019-I/CQ-C	19020022	Cao Phan Thái	09/10/2001	58	2.66	121	GDTC TA	
475	QH-2019-I/CQ-C	19020438	Đinh Văn Thái	06/03/2001	90	2.55	121	TA	
476	QH-2019-I/CQ-C	19020443	Nguyễn Gia Cát Thành	25/08/2001	118	3.25	121	TA	
477	QH-2019-I/CQ-C	19020085	Vũ Đức Thành	11/02/2001	57	2.23	121	GDTC	
478	QH-2019-I/CQ-C	19020445	Bùi Thị Phương Thảo	16/03/2001	118	3.50	121	TA	
479	QH-2019-I/CQ-C	19020439	Bùi Đức Thắng	13/04/2001	118	2.86	121	TA	
480	QH-2019-I/CQ-C	19020440	Nguyễn Văn Thắng	02/06/2001	121	3.22	121	TA	
481	QH-2019-I/CQ-C	19020171	Vi Quốc Thiện	10/09/2000	105	2.25	121	GDTC TA	
482	QH-2019-I/CQ-C	19020454	Phạm Huyền Thương	29/01/2001	121	3.77	121	TA	
483	QH-2019-I/CQ-C	19020456	Nguyễn Bá Tiên	25/03/2001	115	2.94	121	TA	
484	QH-2019-I/CQ-C	19020169	Triệu Minh Tiến	11/12/2000	94	2.14	121	GDTC TA	
485	QH-2019-I/CQ-C	19020177	Nguyễn Thị Tình	10/11/2000	107	2.37	121	TA	
486	QH-2019-I/CQ-C	19020458	Lê Cảnh Toàn	26/05/2001	115	3.28	121		
487	QH-2019-I/CQ-C	19020459	Lê Viết Toàn	01/07/2001	72	2.62	121	GDTC TA	
488	QH-2019-I/CQ-C	19020464	Nguyễn Xuân Trang	04/12/2001	117	3.00	121	TA	
489	QH-2019-I/CQ-C	19020470	Lê Văn Hiếu Trung	25/12/2001	121	2.66	121	TA HS	
490	QH-2019-I/CQ-C	19020087	Nguyễn Quốc Trung	19/11/2001	64	2.31	121	GDTC	
491	QH-2019-I/CQ-C	19020474	Nguyễn Quang Trường	19/03/2001	114	3.19	121	TA	
492	QH-2019-I/CQ-C	19020475	Phan Đình Đan Trường	28/11/2001	118	3.60	121	TA HS	
493	QH-2019-I/CQ-C	19020476	Nguyễn Đào Quang Tuấn	27/10/2001	114	3.55	121	TA	
494	QH-2019-I/CQ-C	19020482	Trương Hoàng Tùng	15/01/2001	127	3.19	121	TA	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
495	QH-2019-I/CQ-C	19020162	Sùng Mí Và	21/10/2000	114	2.29	121	TA	
496	QH-2019-I/CQ-J	19020074	Ngô Đức Anh	10/04/2001	126	2.95	123	TN	
497	QH-2019-I/CQ-J	19020208	Thái Đức Anh	26/11/2001	123	2.93	123	TN	
498	QH-2019-I/CQ-J	19020057	Vũ Chí Dũng	01/10/2001	94	2.99	123	GDTC TN	
499	QH-2019-I/CQ-J	19020268	Trần Phương Duy	04/03/2001	123	2.89	123	TN	
500	QH-2019-I/CQ-J	19020246	Ngô Quang Đạt	02/06/2001	123	2.73	123	TN	
501	QH-2019-I/CQ-J	19020241	Nguyễn Hải Đăng	23/07/2001	96	3.05	123	TN	
502	QH-2019-I/CQ-J	19020071	Thân Hoàng Đăng	04/11/2001	114	2.90	123	TN	
503	QH-2019-I/CQ-J	19020248	Nguyễn Văn Điệp	01/01/2001	104	2.79	123	TN HS	
504	QH-2019-I/CQ-J	19020256	Nguyễn Đình Minh Đức	26/05/2001	85	2.72	123	TN	
505	QH-2019-I/CQ-J	19020271	Phạm Hoàng Giang	09/02/2001	123	3.25	123	TN	
506	QH-2019-I/CQ-J	19020077	Trần Trung Hiếu	10/02/2001	111	2.79	123	TN	
507	QH-2019-I/CQ-J	19020294	Đặng Thị Thanh Hoa	25/11/2001	123	3.49	123	TN	
508	QH-2019-I/CQ-J	19020306	Lại Văn Huân	21/04/2001	123	2.94	123	TN	
509	QH-2019-I/CQ-J	19020308	Lê Tuấn Hùng	25/09/2001	116	3.34	123	TN	
510	QH-2019-I/CQ-J	19020314	Tăng Văn Minh Hùng	29/07/2001	123	3.41	123	TN	
511	QH-2019-I/CQ-J	19020315	Lê Sỹ Hưng	11/10/2001	123	3.32	123	TN	
512	QH-2019-I/CQ-J	19020316	Lê Minh Hương	07/10/2001	123	3.73	123	TN	
513	QH-2019-I/CQ-J	19020330	Văn Tiến Khải	26/12/2001	120	3.19	123	TN	
514	QH-2019-I/CQ-J	19020337	Lê Quang Khôi	05/05/2001	116	3.71	123	TN	
515	QH-2019-I/CQ-J	19020351	Lê Hải Long	28/07/2001	110	3.62	123	TN	
516	QH-2019-I/CQ-J	19020367	Lê Văn Minh	24/04/2001	123	3.21	123	TN	
517	QH-2019-I/CQ-J	19020372	Nguyễn Lê Hải Nam	17/05/2001	122	2.52	123	TN	
518	QH-2019-I/CQ-J	19020390	Đỗ Hải Phong	06/09/2001	104	2.89	123	TN	
519	QH-2019-I/CQ-J	19020422	Đào Xuân Sơn	15/07/2001	115	2.80	123	TN	
520	QH-2019-I/CQ-J	19020174	Lê Văn Sơn	19/05/2000	52	1.74	123	GDTC TN	
521	QH-2019-I/CQ-J	19020428	Hà Minh Tâm	16/02/2001	113	3.05	123	TN	
522	QH-2019-I/CQ-J	19020084	Trịnh Ngọc Tâm	07/05/2001	122	3.30	123	TN	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
523	QH-2019-I/CQ-J	19020431	Vũ Cao Tân	11/05/2001	123	3.02	123	TN	
524	QH-2019-I/CQ-J	19020446	Nguyễn Thị Minh Thảo	16/10/2000	113	3.03	123	TN	
525	QH-2019-I/CQ-J	19020448	Nguyễn Trọng Thịnh	18/04/2001	126	2.94	123	TN	
526	QH-2019-I/CQ-J	19020455	Trần Thị Thu Thủy	09/04/2001	123	3.11	123	TN	
527	QH-2019-I/CQ-J	19020453	Đỗ Văn Thức	03/02/2001	113	3.19	123	TN	
528	QH-2019-I/CQ-J	19020463	Trần Thị Trang	15/01/2001	123	3.57	123	TN	
529	QH-2019-I/CQ-J	19020478	Bùi Duy Tuấn	22/07/2001	116	3.07	123	TN	
530	QH-2019-I/CQ-J	19020488	Đinh Quang Vũ	16/07/2001	122	3.30	123	TN	
531	QH-2019-I/CQ-J	19020487	Nguyễn Duy Vũ	19/10/2001	120	3.53	123	TN	
532	QH-2019-I/CQ-V	19020667	Lỗ Tuấn Anh	05/10/1996	119	2.89	126	GDTC TA	
533	QH-2019-I/CQ-V	19020663	Nguyễn Đức Tuấn Anh	06/05/2001	121	2.69	126		
534	QH-2019-I/CQ-V	19020666	Phan Tuấn Anh	09/05/2000	115	2.77	126		
535	QH-2019-I/CQ-V	19020675	Hoàng Việt Cường	08/04/2001	97	2.60	126	GDTC TA	
536	QH-2019-I/CQ-V	19020676	Phạm Mạnh Cường	04/11/2001	126	2.75	126	TA	
537	QH-2019-I/CQ-V	19020678	Lê Tất Đắc	28/01/2001	113	2.46	126	TA	
538	QH-2019-I/CQ-V	19020696	Nguyễn Văn Hiếu	30/06/2001	116	2.75	126	TA	
539	QH-2019-I/CQ-V	19020702	Phạm Hữu Hoàng	15/04/2001	111	2.82	126	TA	
540	QH-2019-I/CQ-V	19020699	Trần Xuân Hoàng	01/07/2001	107	2.67	126	GDTC TA	
541	QH-2019-I/CQ-V	19020700	Vũ Huy Hoàng	04/07/2001	126	2.79	126	TA	
542	QH-2019-I/CQ-V	19020705	Lê Thị Huệ	13/01/2001	119	2.75	126		
543	QH-2019-I/CQ-V	19020712	Bùi Đức Huy	20/01/2001	91	2.80	126	GDTC TA	
544	QH-2019-I/CQ-V	19020707	Trần Duy Hưng	10/07/2001	126	3.04	126	GDTC	
545	QH-2019-I/CQ-V	19020708	Vũ Công Hưng	30/10/2001	108	2.59	126	TA	
546	QH-2019-I/CQ-V	19020713	Trần Xuân Lâm	01/07/2001	41	2.01	126	GDTC TA	
547	QH-2019-I/CQ-V	19020717	Nguyễn Xuân Lộc	08/03/2001	123	3.44	126		
548	QH-2019-I/CQ-V	19020722	Dương Đình Mạnh	24/02/2001	117	3.11	126	TA	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
549	QH-2019-I/CQ-V	19020725	Nguyễn Ngọc Minh	08/09/2001	120	3.01	126		
550	QH-2019-I/CQ-V	19020727	Nguyễn Văn Minh	14/08/2001	126	2.90	126	TA	
551	QH-2019-I/CQ-V	19020732	Nguyễn Văn Nam	17/05/2001	123	2.99	126		
552	QH-2019-I/CQ-V	19020734	Vũ Thị Thúy Nga	08/04/2000	123	3.07	126		
553	QH-2019-I/CQ-V	19020735	Phạm Trung Nghĩa	04/08/2001	114	2.60	126	TA	
554	QH-2019-I/CQ-V	19020740	Vũ Văn Núi	14/03/2001	126	2.99	126	TA	
555	QH-2019-I/CQ-V	19020745	Trần Anh Phương	27/09/2001	117	2.67	126	GDTC	
556	QH-2019-I/CQ-V	19020746	Đoàn Văn Quân	21/11/2001	117	2.84	126		
557	QH-2019-I/CQ-V	19020750	Nguyễn Duy Sơn	30/07/2001	121	2.89	126	GDTC	
558	QH-2019-I/CQ-V	19020764	Phạm Ngọc Thiện	18/10/2001	119	2.64	126	GDTC TA	
559	QH-2019-I/CQ-V	19020772	Dương Thị Huyền Trang	17/12/2000	123	2.87	126		
560	QH-2019-I/CQ-V	19020777	Mai Đình Trung	29/04/2001	120	2.78	126	TA	
561	QH-2019-I/CQ-V	19020778	Nguyễn Văn Trung	06/09/2001	124	2.83	126	TA	
562	QH-2019-I/CQ-V	19020779	Trần Quang Trường	13/02/2001	114	2.77	126	TA	
563	QH-2019-I/CQ-V	19020783	Nguyễn Anh Tuấn	02/10/2001	124	2.76	126	TA	
564	QH-2019-I/CQ-V	19020784	Trần Anh Tuấn	08/11/2001	124	3.35	126		
565	QH-2019-I/CQ-V	19020785	Nguyễn Chí Tùng	23/01/2001	121	2.81	126		
566	QH-2019-I/CQ-V	19020786	Nguyễn Viết Tùng	08/09/2001	121	2.63	126	TA	
567	QH-2019-I/CQ-V	19020788	Lê Trường Xuân	02/12/2001	116	2.80	126	TA	

Ghi chú: Mã SV: **Mã sinh viên**; TCTL: **Tổng số tín chỉ tích lũy**; ĐTBTL: **Điểm trung bình tích lũy**; Tổng TC: **Tổng số tín chỉ**; GDTC: **Giáo dục Thể chất**; GDQP: **Giáo dục Quốc phòng**; KNM: **Kỹ năng mềm**; HP: **Học phí**; HS: **Hồ sơ**; TA: **Chuẩn đầu ra Tiếng Anh;** TN: **Chuẩn đầu ra Tiếng Nhật**.